

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC
GIAI ĐOẠN 2020-2030, TẦM NHÌN 2035

HÀ NỘI, NĂM 2021

Số: **20** /QĐ-HĐHV

Hà Nội, ngày **25** tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chiến lược phát triển Học viện Quản lý giáo dục
giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Quản lý giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2938/QĐ – BGDDT ngày 07/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Học viện Quản lý giáo dục nhiệm kỳ 2020 -2025;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐHV ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng Học viện về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện Quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Chiến lược phát triển Học viện Quản lý giáo dục giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng trường, Giám đốc Học viện, các đơn vị, tổ chức đoàn thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Đảng ủy Học viện;
- Như Điều 2;
- Lưu: VP, HĐHV.

TM. HỘI ĐỒNG HỌC VIỆN
CHỦ TỊCH



PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hằng

MỤC LỤC

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2020-2030, TẦM NHÌN 2035	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	4
1. Giới thiệu về Học viện Quản lý giáo dục	4
2. Các căn cứ, cơ sở pháp lý xây dựng Đề án	6
Phần 1. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG CỦA HỌC VIỆN	7
1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế	7
1.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực	7
1.1.2. Bối cảnh trong nước	7
1.2. Đánh giá thực trạng Học viện Quản lý giáo dục	8
1.2.1 Những mặt mạnh	8
1.2.2 Những mặt yếu	11
1.2.3 Những cơ hội và thách thức	14
1.3. Dự báo xu hướng phát triển đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2030, tầm nhìn 2035	14
1.4. Xác định các vấn đề chiến lược phát triển Học viện	16
Phần 2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỦA HỌC VIỆN	17
2.1. Sứ mạng	17
2.2. Tầm nhìn	17
2.3. Giá trị cốt lõi	17
Phần 3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN GIAI ĐOẠN 2020 -2030 , TẦM NHÌN 2035	18
3.1. Mục tiêu tổng quát	18
3.2. Mục tiêu cụ thể	18
Phần 4. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN	20
4.1. Chiến lược phát triển bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục	20
4.2. Chiến lược phát triển đào tạo và đào tạo sau đại học	20
4.3. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ	21
4.4. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế	22
4.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	23
4.6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật	25
4.7. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin	26
4.8. Đánh giá và kiểm định chất lượng Học viện	27

4.9. Chiến lược phát triển công tác sinh viên	28
4.10. Xây dựng môi trường học tập của Học viện	29
4.11. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính	29
Phần 5. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHIẾN LƯỢC	31
1. Chiến lược phát triển đào tạo	31
2. Chiến lược bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ QLGD	35
3. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ	37
4. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế	41
5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực	47
6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật	51
7. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin	53
8. Đánh giá và kiểm định chất lượng Học viện	56
9. Chiến lược phát triển công tác sinh viên	60
10. Xây dựng môi trường học tập của Học viện	64
11. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính	67
Phần 6. TỔ CHỨC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	71
6.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá đề án	71
6.2. Tổ chức thực hiện	71
6.3. Phương án kiểm tra, đánh giá thực hiện đề án	71

MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu về Học viện Quản lý giáo dục

Học viện Quản lý giáo dục được thành lập theo Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 03/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo được thành lập ngày 01/10/1976. Học viện là một trong 5 đơn vị sự nghiệp trực thuộc phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ GDĐT tạo (Bộ GDĐT).

Với 45 năm xây dựng và phát triển, Học viện Quản lý giáo dục đã góp phần xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về khoa học giáo dục, nhất là khoa học quản lý giáo dục Việt Nam; tham mưu tư vấn và triển khai ứng dụng khoa học quản lý, quản trị nhà trường cho hệ thống các trường, khoa thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ QLGD trong toàn quốc; nghiên cứu đánh giá tác động của các chủ trương, chính sách và các giải pháp đổi mới quản lý giáo dục đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Học viện đã trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức ngành giáo dục cả nước góp phần nâng cao năng lực quản lý, năng lực tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Với phương châm lấy người học làm trung tâm, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng làm cốt lõi, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội trên tất cả các phương diện và lĩnh vực hoạt động. Hiện nay, các hoạt động chuyên môn của Học viện được phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, công tác nghiên cứu khoa học đạt được những thành tựu đáng kể, các hoạt động liên kết với nước ngoài ngày càng mở rộng, hiệu quả nhằm mục đích ngày càng nâng cao hơn nữa vị thế đưa Học viện giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng và tư vấn chính sách, cải cách giáo dục, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín trên cả nước

Tên giao dịch của Học viện

Tên Tiếng Việt: Học viện Quản lý Giáo dục

Tên Tiếng Anh: *National Academy of Education Management* (NAEM)

Trụ sở: 31 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.

Số điện thoại: 84- 04 - 38643352

Số Fax: 84-04 - 38641802;

Website: www.naem.edu.vn

Chức năng

Học viện Quản lý giáo dục là đơn vị sự nghiệp trực thuộc phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ GDĐT. Học viện có chức năng đào tạo nguồn nhân lực quản lý giáo dục; nghiên cứu và phát triển khoa học quản lý giáo dục; ứng dụng chuyên giao khoa học giáo dục và quản lý giáo dục; tham mưu, tư vấn cho Bộ GDĐT tạo về xây dựng, thực thi chính sách quản lý giáo dục.

Nhiệm vụ

a) Đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo, bồi dưỡng các chương trình chuẩn chức danh nghề nghiệp cho các đối tượng là: Cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục giáo dục (CBQLGD), nhà giáo và viên chức khác của ngành giáo dục.

- Đào tạo, bồi dưỡng các chương trình chứng nhận năng lực hành nghề trong lĩnh vực giáo dục (chương trình nghiệp vụ tư vấn du học, chương trình nghiệp vụ cộng tác viên thanh tra, chương trình tham vấn tâm lý học đường, ...).

- Đào tạo, bồi dưỡng các chương trình tăng cường năng lực cho đội ngũ CBQLGD, công chức, viên chức theo nhu cầu xã hội.

- Đào tạo trình độ đại học:

Học viện đào tạo 09 mã ngành: Quản lý giáo dục, Kinh tế giáo dục, Giáo dục học, Tâm lý học giáo dục, Công nghệ thông tin, Quản trị văn phòng, Ngôn ngữ Anh, trong đó có 02 mã ngành mới tuyển sinh năm 2021 là Luật và Kinh tế.

- Đào tạo sau đại học:

03 chuyên ngành thạc sĩ: Quản lý giáo dục, Công nghệ thông tin, Tâm lý học lâm sàng

02 chuyên ngành thạc sĩ theo chương trình liên kết với trường đại học nước ngoài: Thạc sĩ QLGD với Trường ĐH Tây Nam (Trung Quốc); Thạc sĩ Quản lý hệ thống thông tin với Trường ĐH Saint John's, Đài Loan (Trung Quốc), hiện đang tổ chức tuyển sinh khóa I.

01 chuyên ngành tiến sĩ: Quản lý giáo dục

Hiện nay, Học viện tiếp tục phát triển các mã ngành đào tạo đại học, sau đại học với các ngành/chuyên ngành có liên quan theo sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược mà Học viện đã đề ra.

b) Nghiên cứu và ứng dụng khoa học quản lý giáo dục:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về khoa học quản lý giáo dục;

- Nghiên cứu những vấn đề về định hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển giáo dục và đổi mới quản lý giáo dục;

- Tham mưu, tư vấn, ứng dụng khoa học quản lý giáo dục cho các cơ quan QLGD và cơ sở GD&ĐT;

- Thẩm định về mặt khoa học đối với khoa học giáo dục và khoa học quản lý giáo dục đối với các công trình nghiên cứu, dự án có liên quan.

c) Hỗ trợ và liên kết chuyên môn với các đơn vị trong hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng CBQLGD

- Xây dựng và phát triển chương trình, giáo trình, nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng CBQLGD.

- Tổ chức liên kết, phối hợp giữa các trường, các khoa đào tạo cán bộ quản lý giáo dục nhằm đảm bảo tính liên thông trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý của ngành.

- Cung cấp thông tin về khoa học quản lý giáo dục, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quản lý giáo dục, tổ chức trao đổi về kinh nghiệm quản lý giáo dục.

d) Hợp tác quốc tế

Hợp tác với các cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và ứng dụng về khoa học quản lý giáo dục.

đ) Tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác quản lý giáo dục; Tổng hợp các ý kiến của xã hội về công tác quản lý giáo dục, báo cáo tham mưu cho Bộ trưởng hướng chỉ đạo.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật giáo dục Đại học và các nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền giao.

2. Các căn cứ, cơ sở pháp lý xây dựng Chiến lược

Chiến lược phát triển Học viện Quản lý giáo dục giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2035 được xây dựng dựa trên các căn cứ, cơ sở pháp lý sau đây:

- Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam các Khóa; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;
- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
- Nghị quyết TW III khoá VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá;
- Chỉ thị 40-CT/TW ngày 15/06/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQLGD;
- Luật Giáo dục năm 2019;
- Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ban hành ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học.
- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;
- Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020;
- Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025;
- Quyết định số 1292/QĐ-TTg ngày 24/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT.

Phần 1. BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG CỦA HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

1.1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

1.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục, đào tạo đang diễn ra mạnh mẽ, ngày càng nhiều các quốc gia tham gia vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại, giáo dục, văn hóa và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Việc hợp tác sâu, rộng giữa các nước trong các lĩnh vực, khiến sự cạnh tranh cũng trở nên gay gắt, đòi hỏi các nước phải đổi mới công nghệ, phát triển giáo dục và dành cho giáo dục những đầu tư ưu tiên nhằm giành ưu thế cạnh tranh trên trường quốc tế. Giáo dục trong thế kỷ XXI “phải thực hiện được sứ mệnh nhân văn hóa tiến trình toàn cầu hóa, biến toàn cầu hóa thành yếu tố có ý nghĩa đối với từng con người với tất cả các quốc gia”.

Giáo dục được xem là nền tảng vững chắc để thúc đẩy nhân loại phát triển, là vấn đề sống còn của các quốc gia, do đó, các quốc gia luôn coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, được ưu tiên ngân sách để phát triển. Giáo dục là chìa khoá mở cửa tương lai cho một dân tộc. Quốc tế hoá giáo dục đại học chính là xu thế tất yếu khách quan, tạo sự gắn kết giữa các quốc gia. Hiện nay, các trường đại học trên thế giới có xu hướng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực và đa dạng hoá quan hệ quốc tế, mở rộng quyền tự chủ, độc lập, tự chịu trách nhiệm, đổi mới hình thức, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (Cách mạng 4.0) sẽ tạo ra sự thay đổi vô cùng lớn trong đời sống, kinh tế xã hội và đây chính là thách thức của ngành giáo dục trong việc đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu mới của thời đại. Trước sự tác động mạnh mẽ của khoa học công nghệ hiện đại, các trường đại học truyền thống chắc chắn phải thay đổi trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học để tránh nguy cơ bị tụt hậu, đặc biệt là phải nhanh chóng chuyển sang mô hình đào tạo “những gì thị trường cần”.

1.1.2. Bối cảnh trong nước

Tháng 11 năm 2013, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại kỳ họp thứ 8 đã thông qua Nghị quyết về “*Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục*” với mục tiêu “*đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*” Nghị quyết này là khuôn khổ pháp lý, chính trị làm cơ sở cho một cuộc cải cách sâu rộng trong toàn ngành giáo dục, trong đó tiếp tục khẳng định tầm quan trọng, nhu cầu cấp thiết cần phải đổi mới công tác quản lý giáo dục mà trước hết là nghiên cứu phát triển khoa học quản lý giáo dục để có cơ sở xây dựng các chính sách, cơ chế phát triển, hoạch định các vấn đề về mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo và các giải pháp cụ thể về tổ chức, quản lý quá trình đào tạo nguồn nhân lực đồng thời đưa các vấn đề đó vào thực tế hoạt động của các nhà trường và các cơ sở giáo dục đào tạo. Đảng, Nhà nước và Ngành đã khẳng định vai trò quan trọng của đổi mới quản lý giáo dục đi liền với công tác xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục “đội ngũ sĩ quan” trong chỉ đạo và thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Ngày 15/01/2019 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019- 2025 (theo Quyết định số 69/QĐ-TTg) với bốn quan điểm chỉ đạo phát triển là: (1) Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và hỗ trợ thông qua việc xây dựng chính sách, tạo môi trường thuận lợi để phát triển giáo dục đại học. (2) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho giáo dục đại học. (3) Chủ động hội nhập quốc tế giáo dục đại học. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục đại học và người sử dụng lao động trong toàn bộ quá trình đào tạo. (4). Bảo đảm công bằng, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở giáo dục đại học trong đào tạo nguồn nhân lực. Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, công khai, minh bạch các điều kiện này để người học và xã hội biết, giám sát.

Ngày 24/8/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT (theo Quyết định số 1292/QĐ-TTg) trong đó khẳng định: Tổ chức lại Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh thành Phân hiệu của Học viện Quản lý giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị sự nghiệp trực thuộc, phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ GDĐT).

Hệ thống các cơ sở giáo dục đại học ngành sư phạm của Việt Nam có nhiều điểm mạnh nhưng chưa thực sự chủ động giúp đội ngũ giáo viên và CBQLGD đạt được các chuẩn năng lực và kỹ năng mới, cũng như đảm bảo cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên tại cơ sở có chất lượng và tính đáp ứng thực tiễn cao nhất. Một trong những thách thức lớn nhất là các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục vẫn chưa hoạt động một cách đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu mới của giáo viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục phổ thông hiện nay.

Quá trình triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đào tạo công lập đang tạo nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng có nhiều thách thức lớn cho các cơ sở giáo dục đại học nói chung, nhất là các trường đại học sư phạm và đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục như mô hình của Học viện Quản lý giáo dục hiện nay.

1.2. Đánh giá thực trạng Học viện Quản lý giáo dục

1.2.1. Những mặt mạnh

a. Công tác tổ chức và quản lý, nhân sự

- Về tổ chức và quản lý

Là một thiết chế giáo dục đặc thù trong hệ thống giáo dục Việt Nam, Học viện là cơ sở có lợi thế mạnh trong thực hiện chức năng bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý của ngành giáo dục và nghiên cứu về khoa học quản lý giáo dục. Học viện là cơ sở giáo dục đại học trực thuộc và giúp Bộ GDĐT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục, do đó thường xuyên nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Bộ và có sự phối hợp, hợp tác quan trọng với các vụ, cục chức năng của Bộ để chuyển giao các chủ trương, chiến lược, chỉ đạo của Bộ GDĐT và của Đảng, Nhà nước tới các cơ sở giáo dục nhất là đội ngũ CBQLGD trong toàn quốc để triển khai thành hiện thực đổi mới giáo dục. Với truyền thống 45 xây dựng và phát triển Học viện đã tạo được uy tín trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý của ngành giáo dục trong cả

nước, thành tựu trong công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục đã được xã hội thừa nhận.

Công tác tổ chức và quản lý luôn được Đảng uỷ, Ban Giám đốc, Hội đồng Học viện quan tâm, chỉ đạo đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện, nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy sức mạnh của tập thể và vai trò người đứng đầu.

Học viện đã cơ bản tạo dựng được hệ thống văn bản quy chế, quy định nội bộ về tổ chức và quản lý các hoạt động đáp ứng được yêu cầu để quản lý điều hành các mảng công tác trong cơ sở giáo dục đại học, đảm bảo cho các công tác quản trị nhà trường ngày càng được nâng cao nhằm đảm bảo sự cam kết về chất lượng giáo dục và đào tạo của Học viện đối với xã hội.

- Về nhân sự

Học viện có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ khá cao so với mặt bằng chung của nhiều cơ sở giáo dục đại học (45%) và số cán bộ, giảng viên có trình độ thạc sĩ (55%); GV có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư đạt tỷ lệ 16,34%.

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu Học viện còn có đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những nhà giáo, chuyên gia giáo dục đầu ngành mạnh về lý luận, giàu kinh nghiệm quản lý thực tiễn tham gia vào công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học của Học viện.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên được nâng cao cả về số lượng và chất lượng đa số có tâm huyết nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ khá tốt. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên luôn được lãnh đạo Học viện quan tâm thích đáng.

b. Công tác động đào tạo đại học, sau đại học

Chương trình đào tạo được xây dựng theo qui trình chặt chẽ, cấu trúc nội dung đúng với qui định, phù hợp với trình độ đào tạo và nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo được điều chỉnh bổ sung định kỳ dựa trên ý kiến phản hồi của người dạy, người học và hệ thống văn bản qui định về xây dựng chuẩn đầu ra.

Phương thức tổ chức đào tạo - công tác tổ chức, quản lý đào tạo ngày càng hướng tới chuyên nghiệp và được thực hiện theo hướng tiên tiến, đáp ứng yêu cầu người học, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người học.

Học viện Quản lý giáo dục là cơ sở giáo dục đại học đã khẳng định được uy tín và thương hiệu trong lĩnh vực đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo sau đại học có trình độ cao, giàu kinh nghiệm và có chất lượng cao, đồng thời có nhiều cán bộ, giảng viên có uy tín của Bộ GD&ĐT và cơ sở giáo dục lớn khác cùng tham gia thỉnh giảng, hướng dẫn, hội đồng chấm luận văn và luận án các cấp trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

c. Công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo

Trong gần 45 năm phát triển, Học viện luôn khẳng định được uy tín hàng đầu đối với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp và tăng cường năng lực cho CBQL, nhà giáo; xây dựng được nền móng vững chắc khi triển khai công tác nghiên cứu, phát triển và tổ chức các chương trình bồi dưỡng cho CBQL GD các cấp từ mầm non đến đại học, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và nghiệp vụ quản lý.

Hiện nay, Học viện đã và đang triển khai bồi dưỡng trên 30 chương trình bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp và nâng cao năng lực cho CBQL và nhà giáo cho tất cả các cấp học bậc học, trung bình mỗi năm bồi dưỡng 10.000 học viên.

Học viện đã có nhiều kinh nghiệm trong xây dựng, tổ chức triển khai các chương trình dự án hợp tác có yếu tố nước ngoài trong đào tạo, bồi dưỡng CBQLG các cấp như: Dự án bồi dưỡng 30.000 hiệu trưởng trường phổ thông theo hình thức liên kết Việt Nam- Singapore (2008-2010), Chương trình bồi dưỡng gần 500 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng với 1 tuần học trong nước và 2 tuần đi khảo sát thực tế ở nước ngoài (Mỹ, Nhật Bản, Australia, Bỉ và Đan Mạch). Đầu mỗi phối hợp với UNESCO Việt Nam tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, lập kế hoạch cho lãnh đạo cấp vụ, cục của Bộ và 63 Giám đốc, phó Giám đốc Sở GDĐT. Đầu mỗi giúp Bộ GDĐT tổ chức bồi dưỡng tăng cường năng lực cho toàn bộ lãnh đạo cấp vụ, cục của Bộ GDĐT.

Hiện nay, Học viện đang tham gia thực hiện Chương trình Phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ (ETEP) với vai trò là đầu mối tổ chức xây dựng chương trình tài liệu và tổ chức bồi dưỡng cho CBQLG phổ thông.

d. Hoạt động khoa học công nghệ

Từ 2016 đến nay, Học viện đã tổ chức được nhiều hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế với chủ đề về khoa học quản lý giáo dục, khoa học giáo dục, tạo được bước phát triển mới trong tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế và quốc gia, giúp cho giảng viên có môi trường thuận lợi để tham gia, trao đổi khoa học, học thuật với các chuyên gia trong nước và ngoài nước.

Số công trình khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được công bố trên tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế ngày càng nhiều, nhất là trên các tạp chí nước ngoài có chỉ số ISI, SCI, SCIE...

Tạp chí Quản lý giáo dục được chú trọng nâng cao chất lượng, xuất bản được nhiều số đặc biệt, số bằng tiếng Anh cùng với các số định kỳ 1 tháng 1 số và được Hội đồng CDGSNN công nhận bài đăng trên tạp chí được đánh giá đến 0,5 điểm.

e. Trong hoạt động hợp tác quốc tế

Đồng thời với các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao năng lực cho nhà giáo và CBQLGD, trong thời gian đoạn 2014 đến nay Học viện đã và đang triển khai 02 chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành QLGD và Quản lý hệ thống thông tin, bước đầu tạo môi trường hợp tác quốc tế trong đào tạo chuyên môn cao để cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội.

Đã tăng cường mở rộng hợp tác với các trường đại học nước ngoài, đã ký kết 13 biên bản thỏa thuận, ghi nhớ (MOU) với các trường đại học, tổ chức giáo dục ở nước ngoài như: Trường ĐH Swinburne (Australia); Trường ĐH Bắc Đan Mạch; Học viện Bồi dưỡng hiệu trưởng và giáo viên - Learning Scoop (Phần Lan); Đại học Quốc gia Incheon (Hàn Quốc); Trường ĐH Andrews (Mỹ), Trường ĐH Giáo dục Hồng Kông (Trung Quốc); Hiệp hội các Trường ĐH Đài Loan, Đại học Saint John's và Đại học Minghsin (Đài Loan, Trung Quốc)...

Đặc biệt, Học viện có quan hệ tốt với Học viện phát triển giáo dục Lào, Học viện Giáo dục Singapore (NIE) trong hợp tác phát triển các chương trình bồi dưỡng CBQLGD trường phổ thông với vai trò là đơn vị đầu mối xây dựng chương trình và tổ chức bồi dưỡng cho toàn bộ CBQL cơ sở giáo dục phổ thông của cả nước.

g. Các nguồn lực phục vụ cho các hoạt động của Học viện

- Nguồn lực tài chính

Học viện là đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí; đã cố gắng đa dạng hóa các nguồn thu tài chính, thực hiện có hiệu quả các nguồn lực tài chính tự tích lũy và nguồn tài chính do Ngân sách nhà nước cấp cũng như nguồn tài chính hỗ trợ từ một số dự án trong nước có yếu tố nước ngoài.

- Cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống giảng đường đã được cải tạo, nâng cấp, trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy chiếu đa năng, một số phòng học được đầu tư trang thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo chất lượng cao.

Hiện nay đang triển khai Dự án xây dựng Nhà giảng đường sinh viên (9 tầng, mặt sàn xây dựng 1000 m²); Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật, hạ tầng CNTT theo Chương trình ETEP sẽ góp phần nâng cao, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng nhất là hạ tầng công nghệ thông tin và phòng học đa phương tiện, trung tâm sản xuất học liệu, hội trường.

Cảnh quan môi trường Học viện được quan tâm đầu tư theo hướng xanh, sạch, đẹp. Phòng làm việc của cán bộ, giảng viên được đầu tư cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Hệ thống thông tin, tư liệu - thư viện

Thư viện với diện tích 300 m² được xây dựng theo hướng thư viện chuyên ngành về khoa học quản lý giáo dục. Có trên 15.000 bản sách với trên 5000 đầu sách, 56 loại báo và tạp chí. Thư viện đã nối mạng với Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Khoa học - Kỹ thuật, Thư viện Đại học Quốc gia và Thư viện Trường Đại học Sư phạm.

Học viện đã triển khai thực hiện phần mềm quản hành chính điện tử (egov) nội bộ đã phát huy hiệu quả hoạt động khá tốt. Website của Học viện đã nâng cấp đăng tải được các thông tin cơ bản của Học viện, hệ thống Moodle và tài liệu phục vụ công tác bồi dưỡng CBQLGD trường phổ thông theo chương trình liên kết Việt Nam - Singapore, Chương trình ETEP đáp ứng được yêu cầu công tác đào tạo, bồi dưỡng của Học viện

1.2.2. Những mặt yếu

a. Trong công tác tổ chức cán bộ, nhân sự

- Về tổ chức và quản lý

Cơ chế phối hợp, trách nhiệm của từng đơn vị trong thực thi công việc chưa được quy định tri tiết, rõ ràng bằng văn bản có tính chất quy trình các bước thực hiện nên còn có lúc, có chỗ việc triển khai phối hợp thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị chưa hiệu quả.

Công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy định, quy chế nội bộ của Học viện để cụ thể hóa các quy định chung của Nhà nước, của Ngành làm cơ sở pháp lý, công cụ quản lý, điều hành của Học viện có lúc chưa bổ sung kịp thời.

- Về nhân sự

Năng lực quản trị nhà trường của một số viên chức quản lý chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển, tư duy khoa học quản lý giáo dục chưa cập nhật phong cách quản trị đại học tiên tiến.

Sự đồng thuận trong lãnh đạo, quản lý chưa cao; đội ngũ cán bộ quản lý cấp khoa, phòng còn hạn chế trong tham mưu cho lãnh đạo, quản lý công việc thiếu tính chuyên nghiệp do năng lực, kinh nghiệm quản lý đại học chưa nhiều. Sự phối hợp công tác giữa các phòng chức năng hiệu quả chưa cao. Khả năng xử lý công việc của một số viên chức hành chính phục vụ chưa chuyên nghiệp; năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm còn hạn chế.

Đội ngũ giảng viên đa số là trẻ, chưa có nhiều trải nghiệm về thực tiễn quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học và phổ thông; tinh thần học tập nâng cao trình độ đào tạo của đội ngũ giảng viên trẻ chưa cao.

Cơ cấu đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên và viên chức hành chính phục vụ thiếu cân đối, không hợp lý (tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên hiện nay khoảng 55%).

Năng lực ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh của cán bộ, giảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng để trao đổi khoa học, kinh nghiệm giảng dạy với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhất là khi thực hiện các chương trình liên kết.

b. Trong hoạt động đào tạo

- Đào tạo đại học:

Công tác quản trị về đào tạo vẫn còn một số bất cập và tiếp cận với xu thế hiện đại của giáo dục đại học.

Chương trình đào tạo đã được cải tiến so với trước đây nhưng tính ứng dụng, thực tiễn và sự đối sánh với các chương trình đào tạo tiên tiến hiện đại chưa nhiều. Chưa kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học.

Việc xuất bản giáo trình của Học viện phục vụ cho các chương trình đào tạo còn hạn chế. Số lượng mã ngành đào tạo ít lại thuộc nhóm nhu cầu xã hội về quy mô nguồn nhân lực đào tạo không cao.

- Đào tạo sau đại học:

Chất lượng, số lượng đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo sau đại học hiện nay chưa đáp ứng kịp với yêu cầu phát triển của quy mô đào tạo cũng như yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo.

Cơ sở vật chất đủ đáp ứng cho người học nhưng chưa đạt chất lượng cao (chưa có phòng học riêng dành cho đào tạo sau đại học nhằm thu hút người học);

Chưa kiểm định chương trình đào tạo sau đại học;

Nguồn học liệu, tài liệu phục vụ đào tạo sau đại học chưa phong phú, đa dạng, chưa đáp ứng tốt các nhu cầu tự tìm hiểu nghiên cứu thuận tiện cho học viên.

c) Trong hoạt động bồi dưỡng CBQLGD, nhà giáo

Một số chương trình bồi dưỡng CBQLGD và nhà giáo của Học viện chưa cập nhật kịp thời đáp ứng với yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục. Chương trình bồi dưỡng còn nặng về lý luận, chưa trang bị nhiều kỹ năng giải quyết tình huống quản lý cho người học. Chưa phát triển được nhiều chương trình bồi dưỡng tiên tiến có yếu tố nước ngoài.

Hình thức tổ chức bồi dưỡng chưa phong phú để đáp ứng được nhu cầu của người học. Công tác kiểm tra, đánh giá trong các khoá bồi dưỡng theo phương pháp đánh giá hiện đại chưa nhiều.

Tài liệu học tập phục vụ cho các chương trình bồi dưỡng chưa được cập nhật theo hướng hiện đại.

Sự phối hợp với các cơ sở giáo dục, sở/phòng giáo dục và đào tạo, các trường cán bộ quản lý, các chuyên gia giáo dục để điều chỉnh, thực hiện chương trình, biên soạn học liệu và trao đổi nhân lực và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế.

d. Trong hoạt động khoa học và công nghệ

Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chưa phát huy hết vị trí, vai trò của đơn vị đi đầu trong nghiên cứu khoa học QLGD. Việc tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo ngành, cơ sở giáo dục còn hạn chế, hiệu quả chưa cao; chưa thể hiện, phát huy tốt vai trò làm nòng cốt trong NCKH quản lý giáo dục đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước.

Một số công trình NCKH chưa có tính ứng dụng cao vào thực tiễn.

Số lượng các bài báo, các công trình nghiên cứu khoa học được đăng tải trên các tạp chí khoa học quốc tế, tạp chí có chỉ số ISI, ISCI, Scopus ... còn hạn chế.

e. Trong hoạt động hợp tác quốc tế

Đội ngũ cán bộ làm công tác hợp tác quốc tế còn thiếu và hạn chế về nghiệp vụ và năng lực ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu công việc hợp tác quốc tế, tiếp thu kinh nghiệm và chuyển giao công nghệ từ các dự án, chương trình liên kết đào tạo.

Các dự án, chương trình liên kết với các cơ sở giáo dục, trường đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới trong nghiên cứu khoa học, đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học, bồi dưỡng cán bộ quản lý, nhà giáo còn hạn chế.

Hoạt động hợp tác quốc tế chưa thực sự là cầu nối để hỗ trợ phát triển các hoạt động của Học viện.

Triển khai ứng dụng kết quả các dự án, chương trình yếu tố nước ngoài chưa bền vững, chưa có sức ảnh hưởng lan tỏa rộng.

g. Trong các nguồn lực phục vụ hoạt động của nhà trường

- Tài chính

+ Hoạt động của Học viện chủ yếu dựa vào nguồn tài chính do ngân sách Nhà nước cấp, nên hiệu quả các lĩnh vực hoạt động còn hạn chế, chưa tạo chủ động, đột phá trong phát triển.

+ Cơ chế chi tiêu cho hoạt động của Học viện chưa năng động, chưa tạo chủ động cho các đơn vị, cá nhân phát huy hết khả năng trong thực hiện nhiệm vụ, chưa phù hợp với môi trường “cạnh tranh” trong giáo dục hiện nay (nhất là trong bồi dưỡng, hợp tác quốc tế).

- Lĩnh vực cơ sở vật chất – hạ tầng kỹ thuật

+ Tuy đã được cải thiện song hệ thống giảng đường chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, phương thức đào tạo theo tín chỉ, còn thiếu phòng chuyên biệt (bảo vệ luận văn, luận án), phòng thực hành máy tính lạc hậu. Trang thiết bị dạy học chưa đầy đủ, đầu tư chưa đồng bộ.



+ Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin phục vụ dạy học và quản lý hành chính còn yếu. Trang website của Học viện chưa đầy đủ thông tin, chủ yếu là đơn ngữ, chưa thực sự là kênh quảng bá hình ảnh và các hoạt động của Học viện.

+ Thư viện còn thiếu các đầu sách và tài liệu khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước để đáp ứng với yêu cầu học tập, nghiên cứu của sinh viên và giảng viên. Quản lý học liệu và phục vụ bạn đọc còn theo phương thức truyền thống.

+ Ký túc xá chưa đáp ứng được yêu cầu về chỗ ở cho học viên các khoá bồi dưỡng, sau đại học và sinh viên, tiện nghi trong ký túc xá còn nghèo nàn.

1.2.3. Những cơ hội và thách thức

a) Những cơ hội

- Công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước, của ngành giáo dục nước ta. Đề án đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo đã xác định trước hết phải đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục - đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý để đáp ứng yêu cầu đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố giáo dục đào tạo.

- Nhu cầu của ngành giáo dục về bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục các cấp học, cán bộ quản lý, viên chức hành chính trong các cơ quan quản lý giáo dục, tổ chức giáo dục với số lượng cao.

- Nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý giáo dục có trình độ cao (sau đại học), với yêu cầu chất lượng cao, thích ứng với sự thay đổi trong quản lý giáo dục còn nhiều.

- Nhu cầu lớn trong đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp học đáp ứng với yêu cầu đổi mới các yếu tố giáo dục (dạy học, kiểm tra đánh giá, quản lý lớp học, người học), hướng tới tiếp cận chuẩn quốc tế.

- Bộ GDĐT tạo luôn quan tâm đến Học viện, tạo điều kiện về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục để Học viện có thể đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục của ngành. Là cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ GDĐT, Học viện có mối quan hệ và chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo Bộ, các vụ, cục chức năng của Bộ.

- Bộ GDĐT tạo điều kiện, cơ hội để Học viện tham gia các đề án, chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP).

b) Thách thức

Hệ thống các cơ sở được tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ QLGD, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ quản lý giáo dục ngày càng được mở rộng, trong khi việc kiểm soát chất lượng đào tạo bồi dưỡng chưa có nhiều kiểm chứng thực tiễn.

Yêu cầu, định hướng của Nhà nước đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học công lập phải đẩy nhanh quá trình thực hiện đề án tự chủ về tài chính theo hướng giảm dần nguồn kinh phí cấp ngân sách nhà nước.

Học viện phải đổi mới để xây dựng đạt chuẩn chất lượng quản trị một cơ sở giáo dục đại học - mẫu hình cho các cán bộ quản lý giáo dục các cấp có cơ hội học tập, trao đổi kinh nghiệm.

1.3. Dự báo xu hướng phát triển đào tạo, bồi dưỡng đến năm 2030, tầm nhìn 2035



1.3.1. Nhu cầu về bồi dưỡng cấp chứng chỉ, chứng nhận

- Số chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ: 30.
- Số chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu người học: 10.
- Số chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu người học có yếu tố nước ngoài: 4.

- Bồi dưỡng trực tuyến và kết hợp trực tiếp-trực tuyến: 10-20%

Bảng 1: Dự báo quy mô bồi dưỡng giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2035

STT	Quy mô đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ, chức nhận	Kế hoạch Năm 2020	Dự kiến Năm 2025	Dự kiến Năm 2030	Tầm nhìn 2035
1	Bồi dưỡng trực tiếp	5.000	7.000	14.000	15.000
2	Bồi dưỡng trực tuyến	1.000	1.400	3000	3.000

Lưu ý: Số lượng học viên bồi dưỡng này không bao gồm các chương trình bồi dưỡng theo chương trình, dự án, nhiệm vụ do Bộ GDĐT tạo giao cho Học viện

1.3.2. Về ngành nghề đào tạo

a) Đào tạo đại học:

- Duy trì và phát triển 09 mã ngành đào tạo trình độ đại học hiện nay của Học viện là: Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục, Công nghệ thông tin, Kinh tế giáo dục, Giáo dục học, Quản trị văn phòng, Ngôn ngữ Anh, Kinh tế, Luật.

- Phát triển quy mô mã ngành đào tạo mới:

+ Đến 2025 mở thêm 03 mã ngành mới là: Quản trị nhân sự; Truyền thông đa phương tiện, Tâm lý học.

+ Đến 3030 phát triển thêm 02 ngành mới gồm: Hệ thống thông tin quản lý; Marketing và truyền thông.

+ Đến 2035 Học viện phân đầu khoảng 17 mã ngành đào tạo đại học

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo theo hình thức chất lượng cao hoặc liên kết đào tạo với nước ngoài: 2 ngành.

Bảng Dự báo quy mô đào tạo đại học giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035

TT	Quy mô đào tạo đại học	Dự kiến Năm 2020		Đến Năm 2025		Đến năm 2030		Tầm nhìn 3035	
		Tuyển mới	Quy mô đào tạo	Tuyển mới	Quy mô đào tạo	Tuyển mới	Quy mô đào tạo	Tuyển mới	Quy mô đào tạo
1	Đào tạo đại học								
1.1	Chương trình đào tạo chính quy đại trà	400	1200	700	2500	900	3000	1000	4000
1.2	Chương trình Chất lượng cao; Chương trình liên	25	25	75	200	150	350	200	500

	kết với nước ngoài								
1.3	Liên thông hệ chính quy, Bảng 2			200	400	250	500	300	600

b. Đào tạo Sau đại học:

- Phát triển quy mô chuyên ngành đào tạo mới:

+ Trình độ thạc sĩ: Giáo dục và phát triển cộng đồng; Ngôn Ngữ Anh; Đánh giá, đo lường trong giáo dục; Quản lý kinh tế.

+ Trình độ tiến sĩ: Tâm lý học lâm sàng và Quản trị trường phổ thông.

- Dự kiến năm 2025 - 2030, Học viện tổ chức đào tạo sau đại học theo hình thức chất lượng cao và theo hướng tiên tiến.

Bảng 2: Dự báo quy mô đào tạo sau đại học giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn 2035

T T	Chuyên ngành Đào tạo	Đào tạo thạc sĩ			Đào tạo tiến sĩ		
		2020	2025	2030	2020	2025	2030
1	Quản lý giáo dục	160	200	200	15	20	25
2	Quản trị trường phổ thông	0	60	100	0	0	5
3	Quản lý kinh tế	0	30	50	0	0	5
4	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	0	30	50	0	0	0
5	Tâm lý học lâm sàng	20	30	30	0	3	5
6	Ngôn ngữ Anh	0	0	30	0	0	0
7	GD&phát triển cộng đồng	0	20	30			
8	Công nghệ thông tin	20	20	25			
Tổng số		200	390	515	15	20	25

1.4. Xác định các vấn đề chiến lược phát triển Học viện

1.4.1. Chiến lược bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ QLGD

1.4.2. Chiến lược phát triển đào tạo

1.4.3. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ

1.4.4. Chiến lược hợp tác quốc tế

1.4.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

1.4.6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật

1.4.7. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin

1.4.8. Đánh giá và kiểm định chất lượng Học viện

1.4.9. Xây dựng môi trường học tập của Học viện

1.4.10. Chiến lược công tác sinh viên

1.4.11. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

Phần 2. SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ CỦA HỌC VIỆN

2.1. Sứ mạng

Học viện Quản lý giáo dục là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tư vấn về quản lý giáo dục, cung cấp nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực có chất lượng cao trong và ngoài ngành giáo dục, góp phần thúc đẩy sự phát triển của đất nước.

2.2. Tầm nhìn

Học viện Quản lý giáo dục phấn đấu trở thành một cơ sở giáo dục đại học đa ngành với ưu thế cốt lõi là quản lý giáo dục và các ngành có liên quan mật thiết với giáo dục; hướng đến các tiêu chuẩn quốc tế về đào tạo và phát triển nguồn cán bộ quản lý, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng hiện đại của Việt Nam và thế giới.

2.3. Giá trị cốt lõi:

Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Sáng tạo - Hợp tác

- Học viện cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội trong tất cả các lĩnh vực hoạt động bao gồm đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

- Học viện xây dựng các quy trình quản lý và thực hiện các hoạt động, từng thành viên thể hiện tính chuyên nghiệp trong việc thực hiện quy trình.

- Học viện luôn chủ động, sáng tạo trong tất cả các lĩnh vực hoạt động với phương châm sáng tạo để phát triển và đổi mới.

- Học viện duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác trong nước và quốc tế để triển khai đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Phần 3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

3.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Học viện Quản lý giáo dục (NAEM) trở thành một trung tâm đào tạo bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao, có năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ tiên tiến, có môi trường mở về tri thức, gắn nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng với phục vụ cộng đồng, có quan hệ quốc tế rộng rãi, giữ vai trò nòng cốt trong việc xây dựng và tư vấn chính sách, cải cách giáo dục.

Đến năm 2030, Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong nước và khu vực về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, cung cấp dịch vụ về giáo dục nhất là quản lý giáo dục; đội ngũ cán bộ, giảng viên có đủ năng lực, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật hiện đại; có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học rộng rãi trong và ngoài nước.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Về tổ chức bộ máy

Bộ máy tổ chức được tái cấu trúc theo hướng tinh gọn đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản trị điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị của Học viện; chú trọng hoàn thiện cơ chế điều hành, hoạt động đối với phân hiệu của Học viện Quản lý giáo dục tại cơ sở Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

3.2.2. Về nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, số lượng, cơ cấu giữa giảng viên, nghiên cứu viên với viên chức hành chính phục vụ, cơ cấu độ tuổi, đúng chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện hiệu quả đề án vị trí việc làm cam kết và thực hiện trách nhiệm giải trình minh bạch và xây dựng văn hoá tổ chức.

Xây dựng được đội ngũ chuyên gia, giảng viên, nhà nghiên cứu khoa học mạnh về số lượng và chất lượng, tiên phong trong phát triển và tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục.

3.2.3. Về đảm bảo chất lượng

Xây dựng, thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng, tạo được cơ chế đảm bảo chất lượng thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của các đơn vị tổ chức đoàn thể và mọi thành viên của Học viện. Các chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia, có lộ trình thực hiện kiểm định theo các tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt, chương trình chi tiết học phần trong chương trình bồi dưỡng được cập nhật (ít nhất 2 năm/lần) để phù hợp với chủ trương, quan điểm chỉ đạo của ngành, nhu cầu địa phương và tình hình thực tiễn.

3.2.4. Về đào tạo và bồi dưỡng

Học viện cung cấp các chương trình đào tạo, bồi dưỡng gắn với thực tiễn, tiên tiến về lãnh đạo, quản lý giáo dục và các lĩnh vực liên quan. Học viện tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập của các tổ chức, cá nhân về phát triển năng lực nghề nghiệp và chuyên môn, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực học tập suốt đời về lãnh đạo và quản lý giáo dục và các lĩnh vực liên quan, góp phần thực hiện thành công đổi mới giáo dục và đào tạo Việt Nam.

3.2.5. Về nghiên cứu khoa học và công nghệ

Thực thi các chính sách hoạt động nghiên cứu; xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học thông qua việc gia tăng các công trình được đăng trong các tạp chí có tên trong danh mục của ISI, SCI, Scopus... xuất bản sách, giáo trình.

3.2.6. Về tư vấn chính sách

Học viện tham mưu, tư vấn cho ngành GD&ĐT, các địa phương và các cơ sở giáo dục về chiến lược, chính sách giáo dục, đổi mới lãnh đạo và quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp để thực hiện thành công đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

3.2.7. Về hợp tác và trao đổi học thuật

Học viện mở rộng hợp tác, trao đổi học thuật với các tổ chức, cá nhân trong nước, quốc tế, đặc biệt với các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chuyên gia trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý giáo dục của Việt Nam; xây dựng mạng lưới trao đổi học thuật về quản lý giáo dục, xây dựng và phát triển chương trình hành động cho các giảng viên, chuyên gia của Học viện Quản lý giáo dục tham gia vào các dự án quốc tế; cung cấp các dịch vụ cộng đồng nhằm áp dụng các phương pháp tiếp cận tiên tiến trong nghiên cứu và đào tạo về lãnh đạo, quản lý giáo dục và phát triển nhân lực quản lý giáo dục.

3.2.8. Về cơ sở vật chất

Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH; tăng cường áp dụng tin học hóa các hoạt động của Học viện.

3.2.9. Về tài chính

Xây dựng và thực hiện chính sách khuyến khích phát triển các nguồn thu, tăng cường các giải pháp nâng cao tự chủ tài chính; thực hiện quản lý điều hành công khai, minh bạch thu, chi tài chính, tạo chủ động cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Phần 4. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HỌC VIỆN ĐẾN GIAI ĐOẠN 2020 - 2030, TẦM NHÌN 2035

4.1. Chiến lược bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

4.1.1. Mục tiêu

Xây dựng Học viện thành một trung tâm nghiên cứu, phát triển và triển khai các chương trình bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý hàng đầu trong cả nước, đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng của người học.

4.1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng, phát triển và tổ chức thực hiện các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh, vị trí việc làm của nhà giáo và CBQL; các chương trình nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu của người học; các chương trình tiên tiến có yếu tố nước ngoài đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

- Xây dựng, phát triển và tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng tăng cường năng lực đáp ứng nhu cầu của người học;

- Triển khai đa dạng hoá hình thức bồi dưỡng, kết hợp bồi dưỡng trực tiếp với trực tuyến.

- Xây dựng hệ thống các cơ sở vệ tinh để mở rộng địa bàn bồi dưỡng ra phạm vi cả nước.

- Không ngừng nâng cao chất lượng bồi dưỡng.

- Chủ động hội nhập quốc tế, tích cực trao đổi chuyên gia, tổ chức thực hiện các chương trình tiên tiến có yếu tố nước ngoài đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế và tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến trong bồi dưỡng nhà giáo và CBQL với các cơ sở nước ngoài.

- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định liên quan đến công tác bồi dưỡng.

4.2. Chiến lược phát triển đào tạo và đào tạo sau đại học

4.2.1. Đào tạo đại học

a. Mục tiêu:

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực và kỹ năng thích ứng với thị trường việc làm. Phát triển quy mô đào tạo theo hướng đa dạng các ngành đào tạo dựa trên thực giá trị cốt lõi và sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng tốt hệ thống dữ liệu phân tích, dự báo về nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội, xu hướng dịch chuyển nghề nghiệp, xu hướng giáo dục 4.0 để có giải pháp cho công tác đào tạo đại học của Học viện.

- Phát triển quy mô ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô đào tạo sinh viên, phấn đấu đến 2030, Học viện có từ 12-15 ngành đào tạo với quy mô đào tạo 3000 sinh viên hệ chính quy.

- Đổi mới hệ thống quản lý đào tạo theo hướng phát huy trách nhiệm, vai trò của Khoa chuyên môn và giảng viên trong quá trình tổ chức đào tạo; đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo theo hướng kết hợp trực tuyến và trực tiếp.

- Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của tất cả các ngành đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, có sự tham gia của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng trong xây dựng chương trình và tham gia đào tạo.

- Xây dựng và triển khai một số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình liên kết với nước ngoài nhằm tạo sự đột phá trong đào tạo đại học.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch viết và xuất bản giáo trình đào tạo trình độ đại học, đảm bảo đến 2025 Học viện có 70% giáo trình của Học viện được xuất bản để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh về các ngành đào tạo trên các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội; tạo sự gắn kết với sinh viên và nhà tuyển dụng trong quá trình đào tạo, từ khảo sát nhu cầu, xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, hỗ trợ sinh viên sau tốt nghiệp.

4.2.2. Đào tạo sau đại học

a. Mục tiêu

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nhất là đổi mới quản lý giáo dục và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quản lý đào tạo chuyên nghiệp, cải tiến chất lượng phục vụ người học.

b. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng tốt hệ thống dữ liệu phân tích, dự báo về nhu cầu đào tạo sau đại học đối với các ngành đang thực hiện và các ngành đào tạo mới.

- Phát triển quy mô ngành đào tạo và quy mô số học viên, nghiên cứu sinh, phấn đấu đến 2030, có 8-10 ngành/chuyên ngành đào tạo thạc sĩ với quy mô tuyển sinh thạc sĩ khoảng 500 học viên/1 năm và quy mô đào tạo tiến sĩ 80 - 100 NCS.

- Tổ chức đào tạo một số chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo chương trình chất lượng cao/tiên tiến/chương trình hợp tác liên kết với nước ngoài.

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo theo hướng đa dạng, linh hoạt, phát huy sáng tạo của người học.

- Rà soát, điều chỉnh cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo theo định kỳ và tổ chức truyền thông hiệu quả để người học, nhà tuyển dụng, xã hội, đáp ứng yêu cầu công khai chất lượng và trách nhiệm giải trình của Học viện đối với các bên liên quan.

- Tổ chức biên soạn tập bài giảng, giáo trình cho 100% các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

4.3. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ

4.3.1 Mục tiêu

Thực thi các chính sách hoạt động nghiên cứu; xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học thông qua việc gia tăng các công trình được đăng trong các tạp chí có tên trong danh mục của ISI, Scopus... xuất bản sách, giáo trình,

4.3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Nâng cao năng lực quản lý hoạt động KH&CN và năng lực nghiên cứu KH&CN cho đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên; thành lập 6 Nhóm nghiên cứu mạnh của Học viện để tạo sự đột phá trong hoạt động nghiên cứu KH&CN.

Phấn đấu đến 2030 có: 03 đề tài, chương trình, nhiệm vụ, dự án cấp Nhà nước, 05 cấp Bộ, 10 bài báo đăng ở tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus, SSCI...; 500 bài

báo đăng ở tạp chí chuyên ngành trong nước; 10 Hội thảo khoa học Quốc tế; 60 Hội thảo cấp quốc gia có kỷ yếu xuất bản ISBN; 20 sách chuyên khảo, tham khảo, tham khảo; xuất bản được 70% giáo trình của Học viện phục vụ cho công tác đào tạo của Học viện.

- Xây dựng và thực hiện chính sách huy động và sử dụng hiệu quả kinh phí, thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động KH&CN; việc thu hút, gắn kết giữa Học viện và mạng lưới cộng tác viên là các nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý giáo dục giàu kinh nghiệm tham gia giảng dạy và cộng tác nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học quản lý giáo dục;

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động ứng dụng các kết quả nghiên cứu KH&CN vào thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học tại Học viện và tại các cơ sở giáo dục khác;

- Tăng cường hiệu quả quy mô số lượng, chất lượng hoạt động NCKH, trong đó có chú trọng các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo, NCKH.

- Nghiên cứu, xây dựng và đổi mới các chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng được nhu cầu xã hội.

- Xây dựng chính sách về nghiên cứu lãnh đạo và quản lý giáo dục, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên sau: (1) Quản lý sự thay đổi; (2) Đào tạo, bồi dưỡng CBQLCSGDPT; (3) Tư duy giải quyết vấn đề của lãnh đạo; (4) Quản trị tài chính và CSVC trường học; (5) Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục; và (6) Quản trị chiến lược và quản lý nguồn nhân lực.

- Đổi mới cách thức tổ chức các Hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế tạo môi trường NCKH, trao đổi học thuật thuận lợi cho giảng viên và cán bộ nghiên cứu.

- Đầu tư nâng cao chất lượng xuất bản của Tạp chí Quản lý giáo dục, phấn đấu đến 2025 bài đăng trên tạp chí được Hội đồng CDGSNN công nhận điểm công trình NCKH đến 0,75 điểm.

4.4. Chiến lược hợp tác quốc tế

4.4.1. Mục tiêu

Mở rộng hợp tác, trao đổi học thuật với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt với các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chuyên gia trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý giáo dục của Việt Nam; xây dựng mạng lưới trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên; xây dựng và phát triển chương trình hành động cho các giảng viên, chuyên gia của Học viện tham gia vào các dự án quốc tế.

4.4.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các chương trình HTQT của Học viện với đối tác nước ngoài theo lộ trình; hoàn thiện các văn bản, thủ tục pháp lý đảm bảo hoạt động HTQT của Học viện đúng quy định.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, NCKH với các trường đại học có uy tín trong khu vực và thế giới.

- Đẩy mạnh việc kết nối, tìm kiếm, xây dựng, tổ chức thực hiện và phát triển các chương trình dự án quốc tế về lĩnh vực giáo dục;

- Tăng cường công tác trao đổi CBGV, người học; đẩy mạnh tư vấn du học; tìm kiếm học bổng từ các trường đại học, các cơ sở có nền giáo dục đại học và KHCN phát triển trong khu vực và thế giới;

- Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng tuyển sinh, quản lý, đào tạo đối với lưu học sinh nước ngoài theo học tại Học viện;

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Học viện.

4.5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

4.5.1 Mục tiêu

Xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện có bản lĩnh chính trị, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp; có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao; phong cách quản lý và giảng dạy chuyên nghiệp, hiện đại; có thái độ tích cực và trách nhiệm tốt với công việc được giao.

4.5.2. Nhiệm vụ và giải pháp

a. Xây dựng bộ máy tổ chức, cơ chế quản lý:

- Tổ chức bộ máy Học viện một cách khoa học, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Học viện và đảm đủ cơ cấu tổ chức của cơ sở đào tạo đại học theo hướng giảm đầu mối hành chính phục vụ, tăng đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và dịch vụ. Phấn đấu đến 2025 giảm 11 đơn vị phòng chức năng xuống 9-10 đơn vị phòng chức năng. Đồng thời xây dựng mô hình các “đơn vị” không có đội ngũ cán bộ, viên chức cơ hữu mà thực hiện theo cơ chế kiêm nhiệm để thực hiện nhiệm vụ được giao theo mô hình thực hiện “dự án, đề án, chương trình”.

- Xây dựng cơ chế quản lý thông suốt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Xác định rõ đơn vị đầu mối, đơn vị phối hợp và quy trình giải quyết công việc được giao; tin học hoá trong quản lý; chú trọng xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành hoạt động đối với phân hiệu của Học viện Quản lý giáo dục tại cơ sở Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Thực hiện công tác tiếp nhận Trường Cán bộ quản lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh thành phân hiệu của Học viện theo lộ trình của Bộ GDĐT tạo trong giai đoạn 2022 - 2025.

b) Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu hợp lý và nâng cao tỷ lệ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ tiến sĩ và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

- Phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ cơ cấu đội ngũ giảng viên/viên chức hành chính, phục vụ là 65/35; đến 2030 đạt tỷ lệ 70/30.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu

+ Xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu, mạnh về chất lượng, đạt chuẩn theo chức danh; “là hình mẫu về giảng viên giảng dạy quản lý giáo dục”.

+ Đến năm 2025, có khoảng 180-200 giảng viên, 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp, 55% giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có 15-20% GV là GS, PGS; 20% giảng viên (không phải là giảng viên ngoại ngữ) có thể giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ, 30% GV có bài giảng được số hóa.

+ Đến năm 2030 có trên 65% giảng viên có trình độ tiến sĩ trong đó có: 25% được công nhận và bổ nhiệm có chức danh GS, PGS; 40% giảng viên (trừ giảng viên ngoại ngữ) có thể giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ; 40% GV có bài giảng được số hóa.

+ Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về tự học, tự bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức của Học viện nhất là đội ngũ giảng viên có khả năng sử dụng tiếng Anh, tin học tốt phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu. Tạo điều kiện thuận lợi cho GV tham gia học tập, hội nghị, hội thảo trong nước và nước ngoài để nâng cao trình độ chuyên môn. Tăng cường tổ chức các Hội thảo, hội nghị khoa học, seminar.

+ Xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách đối với đội ngũ công tác viên là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà lãnh đạo quản lý giàu kinh nghiệm, với cơ chế gắn kết với Học viện để tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại Học viện.

+ Xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách, biện pháp hỗ trợ giảng viên trẻ tham gia xây dựng chương trình, giảng dạy các chương trình bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý.

+ Ban hành, tổ chức thực hiện văn bản về đánh giá, xếp loại giảng viên của Học viện đảm bảo tính công khai, dân chủ, thực chất, hiệu quả. Đa dạng hóa hình thức/phương thức đánh giá phản hồi từ người học, nhà quản lý đối với GV và tăng cường sử dụng kết quả đánh giá, phản hồi của người học trong việc hỗ trợ giảng viên phát triển.

- Rà soát, bổ sung và hoạt thiện cơ chế chính sách đãi ngộ, khuyến khích GV trong giảng dạy, NCKH

** Phát triển năng lực viên chức lãnh đạo, quản lý*

- Xây dựng đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn cao; có tư duy chiến lược, chủ động hoạch định các công việc được giao của cá nhân/đơn vị theo nhiệm kỳ và từng năm; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng phân tích, tổng hợp, sáng tạo; có khả năng thiết lập các mối quan hệ trong và ngoài Học viện, có tinh thần phối hợp công tác và khả năng quy tụ đoàn kết trong đơn vị; phong cách lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp.

- Đến năm 2025:

+ 100% viên chức quản lý cấp trường khoa/viện, bộ môn có bằng tiến sĩ, có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, có khả năng làm việc bằng tiếng Anh với người nước ngoài (trừ GV bộ môn giáo dục thể chất).

+ 50% viên chức quản lý cấp phó trường khoa/viện, bộ môn có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, có khả năng làm việc bằng tiếng Anh với người nước ngoài (trừ GV bộ môn giáo dục thể chất).

+ 100% viên chức quản lý cấp phòng, trung tâm phải có trình độ thạc sĩ trở lên, 20% có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp.

- Đến năm 2030:

+ 100% viên chức lãnh đạo, quản lý cấp Học viện có trình độ tiến sĩ và bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư?

+ 100% viên chức quản lý khoa/viện, bộ môn có bằng tiến sĩ, có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, có khả năng làm việc bằng tiếng Anh với người nước ngoài (trừ GV bộ môn giáo dục thể chất).

+ 90% viên chức quản lý cấp phòng, trung tâm có trình độ tiến sĩ trở lên; 40% có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp.

** Phát triển năng lực viên chức hỗ trợ, phục vụ*

- Xây dựng đội ngũ viên chức quản lý và viên chức hỗ trợ, phục vụ có ý thức, trách nhiệm, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao; có tinh thần phối hợp và năng lực làm việc nhóm; có khả năng phân tích, tổng hợp tốt; phong cách làm việc, phục vụ chuyên nghiệp.

- Xác định rõ khối lượng công việc và trách nhiệm viên chức hỗ trợ, phục vụ thông qua đề án vị trí việc làm của từng vị trí việc làm và số lượng người làm việc, nhất là bản mô tả công việc của từng người.

4.6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật

4.6.1. Mục tiêu

Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị dạy và học đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của Học viện theo từng giai đoạn.

4.6.2. Nhiệm vụ và giải pháp

a. Phát triển cơ sở hạ tầng các công trình xây dựng, kỹ thuật

- Huy động các nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ xây dựng và hiện đại hóa cơ sở vật chất của Học viện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và đồng bộ.

- Điều chỉnh lại và cải tạo cơ sở hạ tầng khu A (31-Phan Đình Giót) có diện tích 11.869,4m² đến năm 2030 gồm các hạng mục sau:

+ Cải tạo nâng cấp KTX học viên Lào; cải tạo sửa chữa nhà ăn thành nhà thể thao đa năng cho sinh viên.

- Cố gắng hoàn thành dự án Nhà Giảng đường sinh viên trong năm 2021.

- Thường xuyên thực hiện cải tạo cảnh quan môi trường, khuôn viên học tập và làm việc của Học viện theo hướng Xanh - Sạch - Đẹp và đảm bảo tiêu chí an toàn trường học.

b. Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị giảng dạy, học tập, làm việc theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và đồng bộ.

- Ưu tiên đầu tư nâng cấp trang thiết bị các phòng học theo hướng hiện đại thuộc dãy nhà B1, B2. Đảm bảo 100% các giảng đường, các phòng hội thảo, các hội trường có đầy đủ thiết bị âm thanh, ánh sáng, trình chiếu hiện đại.

- Đầu tư, phát triển trang thiết bị trung tâm đào tạo trực tuyến; 02 phòng máy vi tính hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tuyến, 01 trung tâm sản xuất học liệu; 06 phòng hội thảo và 02 phòng máy vi tính hiện đại cho công tác đào tạo sinh viên đại học.

- Đầu tư trang bị các thiết bị, phương tiện sinh hoạt tại ký túc xá theo hướng đồng bộ, hiện đại, chất lượng cao.

c) Xây dựng Đề án nâng cấp thư viện của Học viện theo hướng thư viện điện tử, có cơ sở hạ tầng phòng đọc hiện đại đáp ứng yêu cầu xây dựng “văn hóa đọc sách” cho CB, GV, sinh viên của Học viện.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu sách và cơ sở dữ liệu tài liệu nội sinh của Học viện; tiến tới bổ sung tài liệu ngoại văn, tài liệu điện tử; thường xuyên cập nhật tài liệu phù hợp với chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng của Học viện.

+ Kết nối, mua quyền sử dụng một số trang Website có giá trị đối với giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Học viện.

d) Hoàn thiện cơ chế quản lý CSVC theo hướng phân cấp, rõ ràng, công khai, minh bạch, trách nhiệm gắn với quyền hạn, trong đó quan tâm đến việc xây dựng Đề án sử dụng tài sản công của Học viện để khai thác tối đa hiệu quả hệ thống CSVC, tài sản, trang thiết bị, trong đó có phương án cho thuê để tăng nguồn thu cho Học viện.

4.7. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin

4.7.1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và NCKH; coi hệ thống CNTT là đòn bẩy quan trọng giúp nâng cao năng suất và chất lượng của mọi hoạt động, tăng cường vị thế, nâng cao uy tín của Học viện và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để phù hợp với chủ trương của ngành giáo dục và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng Học viện trở thành đơn vị có quy trình quản lý được tin học hóa, các hoạt động học tập và nghiên cứu được hỗ trợ tối đa qua các hệ thống CNTT.

4.7.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tiếp tục đầu tư để hoàn thiện hạ tầng CNTT của Học viện: nâng cấp hệ thống trang thiết bị CNTT; đảm bảo sự ổn định của hệ thống mạng và đường truyền.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính, hỗ trợ quản lý và điều hành tại Học viện; tiến tới xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học có quy trình quản lý được tin học hóa trong tất cả các hoạt động và được hỗ trợ tối đa qua hệ thống CNTT bằng các phần mềm ứng dụng CNTT: kế toán, quản lý tài sản; quản lý đào tạo đại học và sau đại học, bồi dưỡng; khảo thí; hỗ trợ học tập; công khai văn bằng, chứng chỉ; quản lý hành chính điện tử; quản lý nhân sự, quản lý ký túc xá; xây dựng bài giảng điện tử và phần mềm dạy học...

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy và công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng; đưa các hình thức đào tạo trực tuyến (e-learning), hệ thống hỗ trợ học trực tuyến cho một số môn học, một số ngành mũi nhọn đáp ứng nhu cầu xã hội, kết hợp giữa học trên lớp và học online (blended learning) để đa dạng hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người học.

- Nghiên cứu, phát triển và áp dụng các giải pháp công nghệ, các sản phẩm ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu trong ngành giáo dục để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để phù hợp với chủ trương của ngành giáo dục và hội nhập quốc tế.

- Chuẩn hóa năng lực CNTT cho CBGV, thường xuyên bồi dưỡng tập huấn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, đảm bảo cập nhật kịp thời các thành tựu CNTT

trên thế giới, đủ năng lực vận hành, quản trị và khai thác hệ thống CNTT tại các đơn vị trong toàn Học viện.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT để triển khai hệ thống thi trắc nghiệm chung trong toàn Học viện.

- Xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến e-Learning, thực hiện thí điểm tại khoa CNTT trước khi nhân rộng quy mô áp dụng đối với các đơn vị khác trong toàn Học viện.

- Nâng cấp Trung tâm CNTT-TV để tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ ứng dụng CNTT và phát triển phần mềm theo đơn đặt hàng, cung cấp các sản phẩm ứng dụng, giải pháp công nghệ về CNTT trong giáo dục.

4.8. Đánh giá và kiểm định chất lượng Học viện

4.8.1. Mục tiêu

Đảm bảo chất lượng giáo dục là mối quan tâm hàng đầu của Học viện. Mục tiêu chất lượng là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của Học viện. Học viện thực hiện hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài theo các chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành áp dụng cho các cơ sở đào tạo đại học. Tiến tới thực hiện kiểm định chất lượng Học viện theo tiêu chuẩn mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN – QA). 100% các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ được kiểm định chất lượng. Thường xuyên cải thiện chất lượng và xây dựng văn hoá chất lượng trong Học viện

4.8.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Từng bước chuyên nghiệp hóa trong các hoạt động của Học viện, chú trọng chuyên nghiệp trong quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia về đánh giá và kiểm định chất lượng của Học viện.

- Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện.

- Định kỳ tiến hành Tự đánh giá chất lượng Học viện và Tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch kiểm định 2 chương trình đào tạo vào năm 2021, phần đầu sau năm 2025 tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ đều được kiểm định chất lượng theo quy định.

- Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học đối với Học viện vào năm 2023 và duy trì thực hiện kiểm định theo chu kỳ kiểm định của Bộ GD&ĐT.

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Học viện để từng bước nâng cao chất lượng.

- Đổi mới và hiện đại hóa hoạt động đánh giá quá trình học tập của người học đảm bảo chính xác, khách quan phù hợp với chuẩn đầu ra, là căn cứ điều chỉnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng.

- Xây dựng lộ trình đến năm 2025 được cấp phép thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục để triển khai đánh giá, kiểm định các cơ sở giáo dục đặc biệt là các cơ sở giáo dục phổ thông.

4.9. Chiến lược phát triển công tác sinh viên

4.9.1. Mục tiêu

Học viên, sinh viên phải được phát triển toàn diện về kiến thức và kỹ năng, có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề theo lĩnh vực được đào tạo; có thể lực tốt, bản lĩnh, trung thực và ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc; SV tốt nghiệp có khả năng thích ứng với thị trường việc làm.

4.9.2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Đổi mới công tác giáo dục tư tưởng - chính trị, đạo đức nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chính trị, hình thành nhân cách, lối sống tốt đẹp cho sinh viên

- Tổ chức tốt các hoạt động sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh; công tác phát triển đảng viên trong sinh viên.

- Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa, cuối khóa và đầu năm học với nội dung và hình thức tổ chức phong phú, phù hợp với từng đối tượng nhằm đạt hiệu quả giáo dục cao, có thảo luận, đối thoại, viết thu hoạch và đánh giá kết quả cuối đợt học tập.

b. Chú trọng quản lý học viên, sinh viên nội trú, ngoại trú; nắm bắt diễn biến tư tưởng của sinh viên thông qua các kênh thông tin khách nhau, đặc biệt là trên mạng internet để có những giải pháp xử lý phù hợp, kịp thời

- Thành lập tổ chức Thanh niên xung kích, Tổ công tác Thông tin - tuyên truyền trong sinh viên;

- Xây dựng hòm thư góp ý trực tiếp và hòm thư điện tử để tiếp nhận ý kiến phản ánh của học viên, sinh viên;

- Tăng cường quản lý an ninh, trật tự, an toàn xã hội cho sinh viên Ký túc xá; Xây dựng phần mềm quản lý sinh viên nội trú, phát hành thẻ nội trú KTX đảm bảo an ninh trật tự.

c. Đổi mới tổ chức hoạt động của SV theo hướng tạo điều kiện để SV chủ động tham gia các hoạt động tự nguyện, CLB gắn với rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp được đào tạo và kỹ năng xã hội cần thiết

Xây dựng và tổ chức kế hoạch thực hiện các hoạt động câu lạc bộ, văn hóa, văn nghệ, thể thao, tình nguyện cho sinh viên, đảm bảo ít nhất 1 tháng có 1 sự kiện/hoạt động tập thể cho sinh viên tham gia.

Gắn kết chặt chẽ các hoạt động của Phòng Giáo dục chính trị và công tác sinh viên với hoạt động, phong trào của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của Học viện.

d. Hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường

- Tổ chức chương trình hướng nghiệp, tư vấn việc làm, “Ngày hội việc làm”, “Tọa đàm hướng nghiệp”; “startup”...

- Tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tập huấn về phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

- Nâng cao năng lực bộ phận chuyên trách về hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, triển khai thực hiện việc khảo sát, điều tra việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và công bố số liệu trong thời gian sớm nhất.

- Thực hiện tốt công tác khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau thi tốt nghiệp; xây dựng được dữ liệu về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp và thông tin về những sinh viên “thành đạt”.

đ. Phát hành sổ tay sinh viên; Đẩy mạnh công khai các thông tin về ngành học, chương trình môn học, thông tin về kế hoạch đào tạo, kết quả học tập và rèn luyện

e. Tiến hành thường xuyên hơn các chương trình hỗ trợ và bồi dưỡng cho người học thuộc nhóm thiệt thòi, người dân tộc thiểu số và người nước ngoài

Thành lập vận hành và phát triển quỹ học bổng dành cho sinh viên, tổ chức kêu gọi sự tham gia tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, doanh nghiệp, cựu sinh viên, cá nhân trong và ngoài Học viện.

g. Thành lập ban liên lạc cựu sinh viên các Khoa, Học viện, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động chung của Học viện, nhất là việc kết nối giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm học tập, cơ hội tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

4.10. Xây dựng môi trường học tập của Học viện

4.10.1. Mục tiêu

- Xây dựng bầu không khí dân chủ, đoàn kết, tôn trọng, chia sẻ, hiểu biết lẫn nhau và vun đắp các giá trị truyền thống, giá trị cốt lõi hướng tới sự phát triển của mỗi cá nhân, tập thể đơn vị Học viện. Mỗi cán bộ quản lý, giảng viên, học viên, sinh viên của Học viện phấn đấu là tấm gương về tự học tập và sáng tạo.

- Xây dựng nền nếp kỷ cương trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo quy trình quản lý chất lượng, tôn trọng đáp ứng nhu cầu của người học.

4.10.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xây dựng và thực hiện quy chế văn hóa công sở; bảo đảm tính công khai, minh bạch và dân chủ trong các hoạt động; chăm lo nâng cao lợi ích vật chất và tinh thần của người lao động;

- Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy định về thi đua, khen thưởng, khuyến khích động viên của Học viện; Xây dựng và tổ chức phát động và thực hiện các phong trào thi đua tạo được sắc thái riêng có của Học viện trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học đối với giảng viên và học tập, rèn luyện của sinh viên.

- Xây dựng hệ sinh thái về môi trường tự học, tự nghiên cứu của Học viện; từng bước tạo dựng, phát triển môi trường thân thiện sẵn sàng hỗ trợ, thỏa mãn nhu cầu được lao động, học tập và phát triển của tất cả mọi người.

- Thực hiện các hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn môi trường học tập.

- Duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác của Học viện.

4.11. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

4.11.1. Mục tiêu

Đổi mới phương thức quản lý để tăng cường phát triển, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính theo hướng tự chủ tài chính. Đa dạng hóa nguồn thu để tích lũy xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật và nâng cao đời sống cho viên chức và người lao động.

4.11.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý tài chính, kế toán của Học viện trong đó thể hiện rõ cơ chế khuyến khích các đơn vị thực hiện nhiệm vụ thực hiện cơ chế khoán thu – chi để tăng tính hiệu quả;

- Đẩy mạnh công tác đa dạng hóa nguồn thu, khai thác tối đa các nguồn thu. Đảm bảo có tích lũy tài chính để tăng cường cơ sở vật chất và công tác chuyên môn.

- Thực hiện công khai, minh bạch, chế độ cho cán bộ viên chức, giảng viên và người lao động trên cơ sở trách nhiệm và quyền hạn theo Đề án vị trí việc làm.

- Xác định rõ số lượng người làm việc trong đề án vị trí việc làm gắn với qui định về cơ cấu tiền lương, thu nhập của từng đơn vị và của toàn Học viện. Tiếp tục phấn đấu mức thu nhập bình quân hàng năm tăng từ 5-10%.

- Đẩy mạnh công tác đa dạng hóa nguồn thu; Mở rộng liên kết hợp tác trong đào tạo bồi dưỡng, tăng cường hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học

- Xây dựng và tổ chức thực hiện lộ trình tự chủ tài chính của Học viện và các đơn vị trực thuộc Học viện. Năm 2025 xây dựng và thực hiện được cơ chế khoán ngân sách hoạt động cho từng đơn vị trong Học viện.

Phần 5. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHIẾN LƯỢC

1. Chiến lược phát triển đào tạo

1.1. Chiến lược phát triển đào tạo đại học, sau đại học:

Mục tiêu: Đào tạo trình độ đại học là một nhiệm vụ quan trọng, đào tạo trình độ sau đại học là nhiệm vụ trọng tâm của Học viện; từng bước được nâng cao chất lượng, quy mô đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp

1.1.1. Xây dựng Dự báo nhu cầu quy mô đào tạo, các mã ngành đào tạo của Học viện trong giai đoạn 2020 – 2030, tầm nhìn 2035

1.1.2. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo theo hướng đa dạng, linh hoạt, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học

1.1.3. Phát triển quy mô đào tạo và các chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục.

1.1.4. Hỗ trợ thường xuyên cho người học sau tốt nghiệp

Kế hoạch hành động chiến lược

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
1.1. Xây dựng Dự báo nhu cầu quy mô đào tạo, các mã ngành đào tạo của Học viện trong giai đoạn 2020 – 2030, tầm nhìn 2035						
	Khảo sát và xây dựng Dự báo nhu cầu quy mô đào tạo các ngành hiện tại của Học viện	- Xây dựng và thực hiện Bảng thu thập (Tổng hợp) số liệu, thông tin về nhu cầu quy mô đào tạo đại học, sau đại học các ngành/chuyên ngành hiện tại của Học viện có tính định kỳ 2 năm/1 lần. - Báo cáo Dự báo nhu cầu quy mô đào tạo đại học, sau đại học các ngành/chuyên ngành giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2030	BGD, P.ĐT, P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2020-2021	Ngân sách thường xuyên
	Khảo sát và xây dựng Dự báo nhu cầu quy mô đào tạo các ngành có khả năng mở mới của Học viện	- Xây dựng và thực hiện Bảng thu thập (Tổng hợp) số liệu, thông tin về nhu cầu quy mô đào tạo các ngành/chuyên ngành mới của Học viện - Báo cáo Dự báo nhu cầu các ngành đào tạo mới giai đoạn 2020 -2025, 2025 - 2030 tầm nhìn 2030	BGD, P.ĐT P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2020-2021	Ngân sách thường xuyên
1.2. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức đào tạo theo hướng đa dạng, linh hoạt, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học						

	Triển khai các phương pháp dạy học tiên tiến; Mời doanh nghiệp phối hợp tham gia công tác giảng dạy, hướng dẫn thực tập ĐH Mời các chuyên gia trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực đào tạo tham gia giảng dạy SDH	- Các khóa tập huấn, bồi dưỡng, hội thảo, hội nghị về đổi mới PPGD tiên tiến được triển khai, ít nhất 1 năm 1 lần cho 50 giảng viên của Học viện. - Báo cáo hàng năm về kết quả triển khai các phương pháp dạy học tiên tiến - Báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp với doanh nghiệp tham công tác giảng dạy, hướng dẫn thực tập đối với đào tạo ĐH	BGD, Phòng DT/TCCB/QLKH P.ĐT, SDH P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Tổ chức thực hiện các phương pháp đánh giá kết quả đào tạo khoa học và hiện đại	- Kế hoạch triển khai các phương pháp đánh giá kết quả đào tạo của Học viện - Phiếu khảo sát của người học, giảng viên và các bên liên quan về tính hiệu quả về các phương pháp đánh giá kết quả đào tạo. - Báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả việc triển khai các phương pháp đánh giá kết quả đào tạo; - 2021 - 2022 có ngân hàng đề thi học phần cho SDH; - 2020 - 2022 có phần mềm/hệ thống quản lý kiểm tra đạo văn;	BGD, P.ĐT, P.ĐBCLGD P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2020-2021 2020 - 2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Tổ chức đào tạo theo các phương thức hiện đại, chuyên nghiệp: Đào tạo E-learning	- Hoàn thiện các quy định về tổ chức đào tạo theo hình thức trực tuyến; - Báo cáo kết quả việc tổ chức đào tạo theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến (online); - Phiếu khảo sát của người học, giảng viên và các bên liên quan về tính hiệu quả về các phương thức đào tạo của Học viện - năm 2023 Phần mềm quản lý đào tạo được nâng cấp theo định hướng cho sinh viên chủ động hơn trong tổ chức đào tạo.	BGD, P.ĐT P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2022-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

		- 2021 – 2023 triển khai quản lý đào tạo trên hệ thống phần mềm đối với SDH				
	Thực hiện công khai cam kết chất lượng đào tạo	- Báo cáo hàng năm về công khai cam kết chất lượng đào tạo; + Chuẩn chất lượng đầu ra các ngành đào tạo; + Nguồn lực phục vụ đào tạo (giảng viên, giáo trình, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất,...); - Báo cáo hàng năm về kết quả sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp. - Định kỳ 2 năm/1 lần cập nhật việc công khai đề cương môn học trên phần mềm quản lý đào tạo.	BGD, P.ĐT P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2020 – 20230	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
1.3. Phát triển quy mô đào tạo và các chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại, phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục						
	Phát triển quy mô đào tạo các chuyên ngành đào tạo đại học	- Đến năm 2025 tuyển sinh đào tạo 500 sinh viên chính quy mỗi khóa; 200 sinh viên không chính quy mỗi năm. - Đến năm 2030 tuyển sinh đào tạo 700 sinh viên chính quy mỗi khóa - Đến năm 2025 quy mô đào tạo thạc sĩ 500 – 600 học viên; 80-100 NCS.	HĐT, BGD, P.ĐT P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2020 – 2021 và 2022-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Phát triển các chương trình đào tạo mới;	- Đến 2025 các ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học mới được mở: Luật, Kinh tế, Tài chính công, Quản trị nhân sự, Truyền thông đa phương tiện, Khoa học máy tính, Chính sách công, Tâm lý học, Hệ thống thông tin quản lý, Tâm lý học - Năm 2022 - 2025 có 01 – 02 chương trình SDH được tổ chức theo chương trình/phương thức chất lượng cao. - Năm 2022 tuyển sinh chuyên ngành đào tạo trình độ ThS. Quản trị trường phổ thông đã được phê duyệt.	HĐT, BGD, P.ĐT. P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2021-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

		- Năm 2025 - 2030: triển khai mở ngành trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế; Đánh giá giáo dục; Giáo dục và phát triển cộng đồng, Ngôn ngữ Anh, - Đến 2025, mở tiến sĩ Tâm lý học lâm sàng.				
	Chuẩn hoá và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Kiểm định CTĐT	- Chương trình được Rà soát điều chỉnh CTĐT định kỳ (2 năm/1 lần); - Đến 2025 có 04 Chương trình được Kiểm định chương trình đào tạo (03 CTĐT trình độ đại học, 01 CTĐT trình độ thạc sĩ) - Đến 2030 có 100% chương trình đào tạo đại học, sau đại học được kiểm định chương trình đào tạo theo quy định của Bộ GDĐT.	BGD, P.ĐT, P.ĐT SDH P.ĐBCLGD	Các đơn vị trong HV	2020-2021 2022-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
1.4. Hỗ trợ thường xuyên cho người học sau tốt nghiệp						
	Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên, học viên Học viện	Đến năm 2021 Hội/Câu lạc bộ cựu sinh viên, học viên được thành lập và hoạt động để giúp hỗ trợ SV thực tập, thực tế, tuyển dụng SV tốt nghiệp	BGD, P.GDCT – CTSV, ĐT	Các đơn vị trong HV	2020-2021	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Liên kết với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, nhà tuyển dụng để nắm bắt được thực trạng việc làm sau tốt nghiệp	Hàng năm có ít nhất 3 hoạt động trao đổi, giao lưu cùng các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức - nhà tuyển dụng.	BGD, P.GDCT – CTSV, ĐT	Các đơn vị trong HV	2020-2021	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Tổ chức liên kết khai thác các nguồn tư liệu giáo dục mở Open Educational Resources (OER)	- Đến 2025, Ký kết liên kết được với 05 thư viện của các cơ sở giáo dục đại học, các trường Sư phạm và các đơn vị cùng lĩnh vực; - Đến 2025, Xây dựng được phần mềm quản lý được thông tin tốt nghiệp của người học để nhà tuyển dụng và xã hội tra cứu, khai thác	BGD; Trung tâm CNTT-TV Phòng ĐT; P.ĐT SDH	Các đơn vị trong HV	2025-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

2. Chiến lược bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ QLGD

Mục tiêu: Xây dựng Học viện thành một trung tâm nghiên cứu, phát triển và triển khai các chương trình bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý hàng đầu trong cả nước, đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng của người học.

Nhiệm vụ và giải pháp:

2.1. Xây dựng, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh, vị trí việc làm của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các chương trình nâng cao năng lực, các chương trình tiên tiến có yếu tố nước ngoài đáp ứng nhu cầu người học và cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Đa dạng hóa hình thức tổ chức bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, tiên tiến, hiện đại.

2.3. Phát triển quy mô đồng thời với không ngừng nâng cao chất lượng bồi dưỡng.

2.4. Chủ động hội nhập quốc tế, tích cực trao đổi chuyên gia, chương trình và kinh nghiệm tiên tiến trong bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGD với các cơ sở nước ngoài.

Kế hoạch hành động chiến lược:

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/ Kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
2.1. Xây dựng, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức danh, vị trí việc làm của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; các chương trình nâng cao năng lực, các chương trình tiên tiến có yếu tố nước ngoài đáp ứng nhu cầu người học và cầu hội nhập quốc tế.						
	Điều chỉnh và phát triển chương trình hiện có trên cơ sở khảo sát đánh giá chương trình và nhu cầu bồi dưỡng	- Báo cáo định kỳ về kết quả khảo sát nhu cầu của các cơ sở giáo dục địa phương - Quyết định thực hiện rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các chương trình, tài liệu (định kỳ 2-3 năm/1 tài liệu được rà soát, điều chỉnh).	BGD, TTBDNG&CBQL	Các khoa, Viện NCKHQLGD, các cơ sở giáo dục	2020-2030	Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
	Xây dựng và phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu người học	- 8 chương trình và tài liệu bồi dưỡng theo nhu cầu được ban hành và tổ chức thực hiện	BGD, TTBDNG&CBQL	Các khoa, Viện NCKHQLGD, KH-TC, QLKH, HTQT	2020-2030	Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác

	Xây dựng và phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng chương trình tiên tiến có yếu tố nước ngoài đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế	- 08 chương trình và tài liệu bồi dưỡng tiên tiến được ban hành và tổ chức thực hiện	BGD, TTTTĐTLĐ&CBQ	Các khoa, Viện NCKHQLGD, KH-TC, QLKH, HTQT	2021-2030	Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
2.2. Đa dạng hóa hình thức tổ chức bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, tiên tiến, hiện đại						
	Tiếp tục triển khai bồi dưỡng theo hình thức trực tiếp	2020-2025: quy mô bồi dưỡng 7000-10.000 học viện/năm 2025-2030: quy mô bồi dưỡng 10.000-14.000 học viện/năm	BGD, TTBDNG&CBQL, TTTTĐTLĐ&CBQL	Các khoa đơn vị trong Học viện	2020-2030	Ngân sách NN, học phí của người học
	Tổ chức bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp – trực tuyến	2020-2025: Số học viên được bồi dưỡng trực tuyến tương ứng 10% số lượng bồi dưỡng trực tiếp; 2025-2030 tỷ lệ này là 20%	BGD, TTBDNG&CBQL, TTTTĐTLĐ&CBQL	Các khoa đơn vị trong Học viện	2020-2030	Ngân sách NN, học phí của người học
	Xây dựng các cơ sở vệ tinh của Học viện để phối hợp thực hiện công tác tuyển sinh và quản lý các lớp bồi dưỡng	2020-2025: Thiết lập được 2 cơ sở vệ tinh ở địa phương 2025-2030: Thiết lập được 4 cơ sở vệ tinh ở địa phương	BGD, TTBDNG&CBQL, TTTTĐTLĐ&CBQL	Các khoa, các cơ sở giáo dục	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
2.3. Phát triển quy mô đồng thời với không ngừng nâng cao chất lượng bồi dưỡng						
	Xây dựng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên cơ hữu và thỉnh giảng có chất lượng	- Có 50 - 70 giảng viên, báo cáo viên là các chuyên gia, giảng viên, nhà quản lý giàu kinh nghiệm trong công tác tham gia giảng dạy bồi dưỡng.	BGD, TTBDNG&CBQL, TTTTĐTLĐ&CBQL	Các khoa Các cơ sở GDĐH, HV, các cơ quan quản lý nhà nước	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
	Đổi mới phương pháp bồi dưỡng	- Các phương pháp mới được áp dụng, ứng dụng CNTT trong giảng dạy	BGD, TTBDNG&CBQL, TTTTĐTLĐ&CBQL	Các giảng viên, báo cáo viên	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
	Nâng cao chất lượng tổ chức	- 90% người học được khảo	BGD,	Phòng KHTC,	2020-	Ngân sách

	các khoá bồi dưỡng	sát nhận xét Hải Lồng về phương thức quản lý, phục vụ chuyên nghiệp, vì người học	TTBDNG&CBQL, TTTTĐTLĐ&CBQL	QT-TB, Các cơ sở giáo dục	2030	thường xuyên
	Nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ làm công tác bồi dưỡng	2022: có 50% GV của Học viện tham gia công tác bồi dưỡng. 2025: 70% GV của Học viện tham gia công tác bồi dưỡng	BGD, Các khoa thuộc Học viện	Các đơn vị thuộc Học viện	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
2.4. Chủ động hội nhập quốc tế, tích cực trao đổi chuyên gia, chương trình và kinh nghiệm tiên tiến trong bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGD với các cơ sở nước ngoài.						
	Mời các chuyên gia, giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy các chương trình bồi dưỡng của Học viện.	Từ 2020: Có sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia nước ngoài trong các chương trình tiên tiến theo nhu cầu	BGD, TTTTĐTLĐ&CBQL	Các khoa, Viện NCKHQLGD, KH-TC, HTQT, các GV	2020-2030	Học phí của người học; Các Dự án hợp tác
	Tổ chức chương trình bồi dưỡng liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài	Đến 2025: Có 1-2 chương trình bồi dưỡng liên kết với cơ sở giáo dục các nước trong khu vực	BGD, Trung tâm TT	Các phòng, khoa, Viện NCKHQLGD	2020-2030	Học phí; Các Dự án hợp tác

3. Chiến lược phát triển khoa học công nghệ

Mục tiêu:

Thực thi các chính sách hoạt động nghiên cứu; xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học thông qua việc gia tăng các công trình được đăng trong các tạp chí có tên trong danh mục của ISI, Scopus... xuất bản sách, giáo trình.

Nhiệm vụ và giải pháp

- 3.1. Đổi mới quản lý hoạt động nghiên cứu KH&CN phù hợp với yêu cầu phát triển của Học viện
- 3.2. Nghiên cứu cơ bản về Khoa học quản lý giáo dục và Khoa học giáo dục
- 3.3. Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao KH&CN về lĩnh vực khoa học Quản lý giáo dục và Khoa học giáo dục
- 3.4. Hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học
- 3.5. Nâng cao năng lực nghiên cứu KH&CN cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện

3.6. Nâng cấp chất lượng Tạp chí Quản lý giáo dục và phát triển trang thông tin KH&CN

Kế hoạch hành động chiến lược:

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/ Kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
3.1. Đổi mới quản lý hoạt động nghiên cứu KH&CN phù hợp với yêu cầu phát triển của Học viện						
	Hoàn thiện chính sách , quy định hoạt động KH&CN của Học viện phù hợp với xu thế đổi mới KH&CN và bối cảnh mới	- 01 quy định quản lý hoạt động KH&CN của Học viện Quản lý giáo dục - Các văn bản sửa đổi quy định hàng năm cho thích ứng với tình hình cụ thể.	BGD; Phòng QLKH	Hội đồng Khoa học và đào tạo, các đơn vị thuộc Học viện	2020-2021	Nghiên cứu khoa học; Ngân sách thường xuyên;
	Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Bộ chỉ số KPIs để giám sát chất lượng NCKH của đội ngũ GV, NCV đồng thời phát huy trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong nghiên cứu và chuyển giao KH&CN	- Đến 2022, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Bộ chỉ số KPIs để giám sát chất lượng NCKH của đội ngũ GV, NCV - 100 % GV, NCV hoàn thành định mức trách nhiệm nghiên cứu KH&CNCSGD (làm đề tài, viết báo, viết giáo trình, ... - 50 phương án nghiên cứu KH&CN được chuyển giao	BGD Phòng QLKH	Các đơn vị thuộc Học viện	2020-2025	Nghiên cứu khoa học; Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
3.2. Nghiên cứu cơ bản về Khoa học quản lý giáo dục và Khoa học giáo dục						
	Tổ chức các hoạt động nghiên cứu các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ về phát triển khoa học quản lý giáo dục và khoa học giáo dục	- 8- 10 đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu cấp bộ, cấp nhà nước được phê duyệt. - Kết quả nghiệm thu các đề tài và số bài báo được đăng, số Kỷ yếu phát hành. - 30% GV, NCV của Học viện tham gia	Ban Giám đốc, Phòng QLKH,	Các đơn vị thuộc Học viện và các bên có liên quan	2020-2030	Ngân sách Nghiên cứu khoa học; Các Dự án hợp tác
3.3. Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao KH&CN về lĩnh vực khoa học Quản lý giáo dục và Khoa học giáo dục						

	Công bố các sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng thuộc lĩnh vực chuyên ngành	- 3 đề tài, chương trình, nhiệm vụ, dự án cấp Nhà nước - 5 đề tài đề tài, chương trình, nhiệm vụ, dự án cấp Bộ - 10 bài báo đăng ở tạp chí nước ngoài danh mục ISI, Scopus, SSCI - 500 bài báo đăng ở tạp chí trong nước - 10 Hội thảo khoa học Quốc tế - 60 Hội thảo cấp quốc gia có kỷ yếu xuất bản ISBN - 100 % GV, NCV tham gia nghiên cứu và viết báo.	GV, NCV của các đơn vị trong Học viện	Các cơ quan nghiên cứu KH&CN trong nước và các nhà khoa học ngoài Học viện	2020-2030	Nghiên cứu khoa học; Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
	Tổ chức chuyển giao các chương trình và công nghệ dạy học, giáo dục liên quan đến các lĩnh vực mũi nhọn của Học viện	- 30 hợp đồng hoặc xác nhận chuyển giao kết quả NCKH, các chương trình và công nghệ dạy học, giáo dục	Phòng QLKH, GV, NCV, các đơn vị trong Học viện	- Các đơn vị nghiên cứu KH&CN - Cơ sở ứng dụng kết quả NCKH&CN - Các tổ chức, cá nhân chủ trì chương trình	2020-2030	Nghiên cứu khoa học; Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
	Đăng ký bản quyền và sở hữu trí tuệ các sản phẩm nghiên cứu KH&CN	- Hồ sơ đăng ký sở hữu trí tuệ - Các sản phẩm nghiên cứu KH&CN đăng ký sở hữu trí tuệ cấp Học viện - 50 sản phẩm KH&CN được đăng ký sở hữu trí tuệ	GV, NCV của các đơn vị trong HV	- Bộ KH&CN, - Cục Sở hữu trí tuệ - Cá nhân/Tổ chức chủ trì	2020-2030	
3.4. Hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học						
	Hợp tác với các Viện nghiên cứu,	- 30 hợp đồng liên kết nghiên cứu giải	Phòng	Bộ GD&ĐT, các	2020-	Nghiên cứu

các đại học và trường đại học, các Sở/Phòng GD&ĐT về NCKH Quản lý giáo dục và ứng dụng các thành quả nghiên cứu	quyết các vấn đề xuất hiện từ nhu cầu và thực tiễn QLGD, quản lý trường học và đào tạo, bồi dưỡng CBQL giáo dục. - 10 Hội thảo khoa học quốc tế, 20 Hội thảo cấp Quốc gia	QLKH, Viện NC, các Khoa,	Sở GD&ĐT, các Phòng GD&ĐT, các đại học và trường đại học trong nước	2030	khoa học; Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
Hợp tác với một số Viện, trường đại học ở nước ngoài (Singapore, Trung quốc, Mỹ, Anh, Pháp) về Hội thảo khoa học, hợp tác NCKH phục vụ cho đào tạo, bồi dưỡng CBQL giáo dục	- 5 Hội nghị với 5 cơ sở giáo dục nước ngoài về hợp tác phát triển giáo dục. - 5 hợp đồng hợp tác nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu với 5 cơ sở giáo dục nước ngoài; - 10 hội thảo quốc tế về khoa học quản lý giáo dục và khoa học giáo dục	Ban Giám đốc, Phòng QLKH	Vụ Hợp tác quốc tế của Bộ GD&ĐT; các đơn vị thuộc HV	2020-2030	Ngân sách Nghiên cứu khoa học; Các Dự án hợp tác

3.5. Nâng cao năng lực nghiên cứu KH&CN cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện

Xây dựng và thực hiện các đề án nâng cao năng lực nghiên cứu KH&CN cho Học viện	- 3 đề án nâng cao năng lực KH&CN cho Học viện với kinh phí mỗi đề án là 7 đến 10 tỉ đồng Việt Nam	BGD, Phòng QLKH, Viện NC KH QLGD	Các Vụ KH,CN&MT và Vụ KH-TC Bộ GD&ĐT, các đơn vị thuộc Học viện	2020-2030	Ngân sách Nghiên cứu khoa học; Các Dự án hợp tác
Tăng cường hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh, chuyên sâu trong 6 lĩnh vực ưu tiên của Học viện	- 06 Nhóm NCM có bản kế hoạch hoạt động từng năm, trong đó 3-5 năm mỗi nhóm có ít nhất 1 sản phẩm nghiên cứu là đề tài, nhiệm vụ... cấp bộ hoặc cấp nhà nước/1 Nhóm được nghiệm thu, hoặc trong 2 năm có ít nhất 1 bài báo trên tạp chí khoa học có chỉ số ISI, SCEI, Scopus....	Phòng QLKH, 6 Nhóm NCM	Các đơn vị thuộc Học viện	2020 - 2030	Ngân sách Nghiên cứu khoa học; Các Dự án hợp tác
Tổ chức tập huấn cho đội ngũ GV và NCV về nghiên cứu KH&CN	- Mỗi năm có một lớp tập huấn cho toàn thể GV và NCV về các vấn đề	Phòng Quản lý	Vụ KH,CN&MT Bộ GD&ĐT,	2020-2030	Nghiên cứu khoa học;

		liên quan đến nghiên cứu và chuyển giao KH&CN - 75% GV, NCV của học viện tham gia tập huấn hàng năm	khoa học	Các đơn vị trong Học viện		Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
3.6. Nâng cấp chất lượng Tạp chí Quản lý giáo dục và phát triển trang thông tin KH&CN						
	Nâng cấp chất lượng Tạp chí Quản lý giáo dục	- Tạp chí QLGD được Hội đồng GSNN công nhận bài đăng trong tạp chí đến 0,75 điểm - Đăng tải các kết quả nghiên cứu khoa học quốc tế và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trên Tạp chí Quản lý giáo dục - Sau 2025 có ít nhất 02 số/1 năm phát hành bằng tiếng Anh.	- BGĐ - Tạp chí Quản lý giáo dục	Vụ KH,CN&MT và Vụ KH-TC Bộ GD&ĐT, Phòng KH-TC, QT-TB và Văn phòng Học viện	2020-2030	
	Phát triển trang website thông tin KH&CN	- Từ năm 2021 Trang website cấp 2 về KH&CN được duy trì, phát triển - Các thông tin liên quan đến hoạt động KH&CN được cập nhật thường xuyên	- Phòng Quản lý khoa học	Phòng QLKH, Chuyên gia, Cán bộ & Giảng viên của Học viện	2020-2030	

4. Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

Mục tiêu:

Mở rộng hợp tác, trao đổi học thuật với các tổ chức, cá nhân nước ngoài, đặc biệt với các quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và chuyên gia trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý giáo dục của Việt Nam; xây dựng mạng lưới trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên; xây dựng và phát triển chương trình hành động cho các giảng viên, chuyên gia của Học viện tham gia vào các dự án quốc tế.

Nhiệm vụ và giải pháp



4.1. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các chương trình HTQT của Học viện với đối tác nước ngoài theo lộ trình; hoàn thiện các văn bản, thủ tục pháp lý đảm bảo hoạt động HTQT của Học viện đúng quy định.

4.2. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, NCKH với các trường đại học có uy tín trong khu vực và thế giới.

4.3. Đẩy mạnh việc kết nối, tìm kiếm, xây dựng, tổ chức thực hiện và phát triển các chương trình dự án quốc tế về lĩnh vực giáo dục;

4.4. Tăng cường công tác trao đổi CBGV, người học; đẩy mạnh tư vấn du học; tìm kiếm học bổng từ các trường đại học, các cơ sở có nền giáo dục đại học và KHCN phát triển trong khu vực và thế giới;

4.5. Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng tuyển sinh, quản lý, đào tạo đối với LHS nước ngoài theo học tại Học viện;

4.6. Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Học viện.

Kế hoạch hành động chiến lược:

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
4.1. Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các chương trình HTQT; hoàn thiện các văn bản, thủ tục pháp lý đảm bảo hoạt động HTQT của Học viện						
	Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chương trình HTQT	- Kế hoạch ngắn hạn (2020-2022); dài hạn (2022-2030) được xây dựng, ban hành để triển khai thực hiện	BGD; HĐT; P.HTQT	P TCCB; KHTC; VPHV; V.NCKH QLGD;	2020-2021	Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
	Xây dựng Quy định, quy trình về Quản lý Hoạt động HTQT của Học viện	- Bổ sung, hoàn thiện Quy định, quy trình, biểu mẫu về quản lý hoạt động HTQT	BGD; HĐT; P.HTQT	P.TCCB; KHTC; VPHV; Bộ GD&ĐT;	2020-2021	Ngân sách thường xuyên; Các Dự án hợp tác
4.2. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, NCKH với các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong khu vực và thế giới						

Hợp tác liên kết đào tạo các trình độ đại học, Th.S; TS	- Có 01- 02 chương trình LKĐT trình độ cử nhân (2+2) (với các nước Hàn quốc, Thái Lan, Đài Loan, Singgapo; Mĩ, Úc...);	BGD; HĐT; PHTQT;	Các Khoa; P. KHTC; QLKH	2023-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
	- Có 03-05 chương trình LKĐT trình độ Th.S, TS: <i>Hiện có LKĐT Th.S QLGD với ĐH Tây Nam (K3) và Th.S Quản lý Hệ thống thông tin với ĐH Saint John, Đài Loan, Trung Quốc (K1);</i>	BGD; HĐT; PHTQT;	Các Khoa; P. KHTC; QLKH	2020-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
Liên kết đào tạo mở Trung tâm đào tạo tiếng ngoại ngữ (Tiếng Anh; Trung, Pháp)	- Có 01 chương trình LKĐT chất lượng cao (Tiếng Anh) theo từng kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp - Liên kết đào tạo, tổ chức thi và cấp Chứng chỉ tiếng Anh (TOEFL, IELTS, TOEIC) - Liên kết tổ chức các loại hình đào tạo cấp Chứng chỉ tiếng Trung, Pháp	BGD; HĐT; PHTQT;	Khoa NN; P.KHTC; ĐHNNH N.	2025-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh.	- Tổ chức 02 khóa về hội nhập giáo dục, kinh tế quốc tế; nghiệp vụ hợp tác quốc tế, lễ tân ngoại giao, viết đề xuất dự án. - Tổ chức 01 khóa nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo cho CBLĐ (cấp Phó, Trưởng đơn vị); 01 khóa nâng cao trình độ Tiếng Anh dành cho đội ngũ GV	BGD; HĐT; PHTQT;	Các Khoa, TTTTĐT L&CBQ L; P.QLKH; KHTC;	2021-2023	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác

	Biên dịch và xuất bản sách, tài liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của Học viện	- Có từ 03-05 tài liệu chuyên khảo về lĩnh vực GD và Quản lý giáo dục...	HĐT, BGĐ, P.HTQT	Các Khoa; PQLKH; KHTC; TTCNTT TV	2021-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
4.3. Kết nối, tìm kiếm cơ hội hợp tác; xây dựng, tổ chức thực hiện và phát triển các chương trình dự án quốc tế						
	Kết nối, tìm kiếm cơ hội hợp tác, kí các HTQT với các nước đang phát triển trong khu vực và trên thế giới	- Ký từ 10-15 Biên bản ghi nhớ hợp tác giáo dục MOU/năm	BGĐ; HĐT; P.HTQT	P.KHTC; QTTB; Các Khoa;	2020-2025	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
		- Kí từ 05-10 MOU và triển khai ít nhất 02 chương trình hợp tác với các trường ĐH mà Học viện đã ký kết (ĐH Incheon, Hàn Quốc, ĐH Swinburne, Úc, ĐH Andrews, Mĩ...);	BGĐ; HĐT; P.HTQT	P.KHTC; QTTB; Các Khoa;	2025-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
	Xây dựng, tổ chức thực hiện và phát triển các chương trình dự án quốc tế	- Đề án Tăng cường năng lực cho cán bộ QLGD Lào (Giai đoạn 2021-2025) theo Chương trình hợp tác với <i>Học viện Phát triển QLGD Lào</i>	BGĐ; HĐT; P.HTQT	P.KHTC; QTTB; Các Khoa;	2021-2025	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
		- Có 01 dự án về giáo dục; 01 Dự án về giáo dục đặc biệt (Tiếp tục kết nối và phát triển dự án với QUB; các trường ĐH Canada, Singgapo, Bì..)	BGĐ; HĐT; P.HTQT	P.KHTC; QTTB; Các Khoa;	2023-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
4.4. Tăng cường công tác trao đổi CBGV, người học; đẩy mạnh tư vấn du học; tìm kiếm học bổng						
	Tổ chức các hoạt động trao đổi CBGV, người học, người học, đẩy mạnh tư vấn du học	- Từ năm 2025 mỗi năm có HĐ trao đổi từ 01-02 đoàn ra, vào (10-25 người/đoàn) (hình thức Study tour; trao đổi CB,GV)	HĐT, BGĐ, P.HTQT	P.KHTC; PĐT;	2021-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác

		-Tổ chức 30 hội thảo, diễn đàn tư vấn du học; giới thiệu các chương trình học bổng cho người học	HĐT, BGĐ, P.HTQT	Các đơn vị trong HV	2021-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
		-Thành lập Trung tâm tư vấn du học để triển khai dịch vụ tư vấn du học, xuất khẩu lao động, thực tập nghề tại các trường đại học đối tác	HĐT, BGĐ, P.HTQT	Các đơn vị trong HV	2021-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác
	Kết nối với các đối tác, đặc biệt với các trường ĐH có kí kết hợp tác với Học viện để tìm kiếm học bổng.	- Mỗi năm có 03-05 sinh viên, CBGV đi đào tạo theo nguồn học bổng <i>(do trường đối tác hoặc nhà nước cấp)</i> .	HĐT, BGĐ, P.HTQT	P.KHTC; PĐT;	2022-2030	
4.5. Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng tuyển sinh, quản lý, đào tạo đối với LHS nước ngoài theo học tại Học viện						
	Quản lý và tổ chức đào tạo cho LHS nước ngoài theo đúng quy định	- 2021, Quy chế quản lý LHS nước ngoài được ban hành để thực hiện; - Tổ chức 02 khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Việt cho LHS Lào; -Tổ chức 02 cuộc thi tìm hiểu về văn hóa VN và sưu tầm tranh ảnh bài viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh	HĐT, BGĐ, P.HTQT	Các đơn vị trong Học viện	2020-2030	Ngân sách Hiệp định và ngân sách thường xuyên
	Mở rộng quy mô, tăng cường số lượng, hình thức tuyển sinh thu hút LHS	- Đến năm 2030 đào tạo được 300-500 LHS các trình độ	HĐT, BGĐ, P.HTQT	Các đơn vị trong Học viện	2020-2030	Ngân sách Hiệp định và ngân sách thường xuyên
4.6. Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu của Học viện						

	Xây dựng Bộ nhận diện nhằm quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Học viện	- Đồng bộ hóa logo; màu sắc; hình ảnh.. đại diện. - Tờ rơi, giới thiệu quảng bá các chương trình đào tạo, hoạt động NCKH, các TTĐT, BD (<i>dịch vụ</i>) của Học viện;	HĐT, BGĐ, P.HTQT	VPHV; P.QTTB; KHTC;	2020-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác.
	Tổ chức, tham gia các diễn đàn mang tính quốc tế (<i>tổ chức trong nước và nước ngoài</i>)	- Mỗi năm ít nhất 01 lần cử đại diện hoặc gửi tài liệu tham gia các diễn đàn quảng bá hình ảnh, thương hiệu, các chương trình tuyển sinh...(đặc biệt các nước có QHHT và có LHS đang học tại Học viện)	HĐT, BGĐ, P.HTQT	VPHV; P.QTTB; KHTC;	2020-2030	Ngân sách thường xuyên; Các dự án hợp tác.

5. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Mục tiêu:

Xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện có bản lĩnh chính trị, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách quản lý và giảng dạy chuyên nghiệp, hiện đại, có thái độ tích cực và trách nhiệm tốt với công việc được giao.

Nhiệm vụ và giải pháp:

5.1 Xây dựng bộ máy theo hướng phân cấp và tăng quyền chủ động của các đơn vị thuộc Học viện

5.2 Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu

5.3 Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

5.4 Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ

Kế hoạch hành động chiến lược:

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
5.1. Xây dựng bộ máy theo hướng phân cấp và tăng quyền chủ động của các đơn vị thuộc Học viện						
	Xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định về tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ các đơn vị	- Quy chế tổ chức hoạt động của HV; Quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế phối hợp của các ĐV; Quy chế dân chủ trong Học viện; Quy chế tuyển dụng, sử dụng viên chức; Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý; Quy định chính sách đối với đội ngũ giảng viên thỉnh giảng được định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung ít nhất 2 năm 1 lần. - 2020-2021: Các quy trình công việc của các đơn vị, các bước thực hiện nhiệm vụ của từng chức danh, chức trách; ứng dụng phần mềm quản lý hành chính nhằm đổi mới công tác quản lý hoạt	HĐT, BGĐ, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2020-2025	Ngân sách thường xuyên

		động thực hiện nhiệm vụ; tổ chức các cơ sở dữ liệu sử dụng chung phục vụ công tác quản lý minh bạch toàn Học viện. - 2025, Các quy trình thực hiện công việc của tất cả các đơn vị được ban hành và tổ chức thực hiện.				
	Sắp xếp, cơ cấu tổ chức bộ máy; Xây dựng, thực hiện Đề án vị trí việc làm	- 2021. Hoàn thành Đề án rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy Học viện để triển khai thực hiện. Phấn đấu đến 2025 giảm 11 đơn vị phòng chức năng xuống 9-10 đơn vị phòng chức năng. - 2022 Cơ bản hoàn thiện Đề án vị trí việc làm, trú trọng hoàn thiện bản mô tả công việc của từng viên chức, từng vị trí việc làm. - 2025 Hoàn thành bộ Chỉ số KPIs đánh giá hiệu quả công việc của các đơn vị/cá nhân và triển khai áp dụng thí điểm toàn Học viện - 2030 Thực hiện bộ Chỉ số KPIs đánh giá hiệu quả công việc của các đơn vị/cá nhân trong Học viện; sử dụng kết quả để xác định mức thu nhập tăng thêm của mỗi cá nhân, tiến tới xác định mức lương chi trả của viên chức, người lao động.	HĐT, BGĐ, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2022-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
5.2. Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ nghiên cứu						
	Tuyển dụng mới,	- Tổ chức tuyển dụng giảng viên theo hướng 2 năm/1 đợt (trừ tuyển dụng theo hình thức tiếp nhận chuyển công tác cán bộ, công chức, viên chức từ nơi khác tới), Đạt chỉ số 120 – 135 vào năm 2025 Xây dựng, ban hành chính sách tuyển dụng giảng viên, trong đó quy định rõ lộ trình GV cam kết học và hoàn thành việc học nâng cao trình độ chuyên môn tiến sĩ đối với GV chưa có trình độ tiến sĩ nếu không sẽ chấm dứt HĐLV hoặc chuyển sang công	HĐT, BGĐ, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2022-2030 2021-2022	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

		tác khác nếu Học viện có nhu cầu.				
	Cử đi học tiến sĩ; học bồi dưỡng nâng cao năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học	- 2025, 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp, 100% giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH, có 65% giảng viên có trình độ tiến sĩ, trong đó có 20% GV là GS, PGS; 30% giảng viên (không phải là giảng viên ngoại ngữ) có thể giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ, 20% ????% GV có bài giảng được số hóa - Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho giảng viên (trong đó chú trọng công tác đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước mà các khoa và Học viện đã phê duyệt). - Hoàn thiện các chính sách trong công tác phát triển giảng viên (giảng dạy, nghiên cứu khoa học), đặc biệt là bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên trẻ (GV có kinh nghiệm < 5 năm)	HĐT, BGD, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2020-2030 2020-2021	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
5.3. Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý						
	Bồi dưỡng nâng cao năng lực viên chức lãnh đạo quản lý;	- Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho riêng đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý của Học viện, hoặc cử viên chức đi học tập, bồi dưỡng theo chuẩn chức danh hoặc nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ - 2021: 100% số viên chức lãnh đạo, quản lý được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý theo vị trí đang đảm nhận (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dành cho cán bộ quản lý cấp khoa, phòng trong trường đại học hoặc cán bộ quản lý cấp phòng theo quy định của Bộ Nội vụ....) Đến 2025: + 100% viên chức quản lý cấp trưởng khoa/viện, bộ môn có bằng tiến sĩ, có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, có khả	HĐT, BGD, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

		năng làm việc bằng tiếng Anh với người nước ngoài (trừ GV bộ môn giáo dục thể chất). + 50% viên chức quản lý cấp phó trưởng khoa/viện, bộ môn có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp, có khả năng làm việc bằng tiếng Anh với người nước ngoài (trừ GV bộ môn giáo dục thể chất). + 100% viên chức quản lý cấp phòng, trung tâm phải có trình độ thạc sĩ trở lên, 20% có năng lực sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp.				
	Tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại...	- Xây dựng và thực hiện công tác quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý, lãnh đạo theo nhiệm kỳ của Hội đồng Học viện, trên cơ sở đó thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch hàng năm. - Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ, viên chức lãnh đạo quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Học viện.	HĐT, BGĐ, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
5.4 Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ, phục vụ						
	Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức hành chính, hỗ trợ...	- Đến 2022: 100% viên chức hỗ trợ, phục vụ được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm được giao. - Hằng năm có 10%-20% viên chức được tham gia lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT trong thực hiện công việc được giao	HĐT, BGĐ, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Tuyển dụng, sắp xếp, bố trí việc làm	- Xây dựng và thực hiện Đề án về sắp xếp, cơ cấu lại viên chức hành chính đảm bảo cơ cấu, số lượng phù hợp đảm bảo đến 2025 đạt tỷ lệ 40%, 2030 đạt tỷ lệ	HĐT, BGĐ, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2020-2022	Ngân sách thường

		35% so với tổng số viên chức, người lao động của Học viện - Xây dựng và tổ chức thực hiện bảng các câu hỏi để nhận phản hồi từ các bên liên quan về kết quả thực hiện công việc (nhiệm vụ) của viên chức hành chính, phục vụ.				xuyên và các nguồn khác
--	--	--	--	--	--	-------------------------

6. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật

Mục tiêu: Xây dựng được hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, từng bước hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của Học viện theo từng giai đoạn.

Nhiệm vụ và giải pháp

6.1. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Học viện

6.2. Hoàn thành Dự án Xây dựng “Nhà giảng đường sinh viên” Khu S và đưa vào sử dụng

6.3. Đầu tư thiết bị giảng dạy, học tập làm việc, thiết bị sinh hoạt, phương tiện học tập theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và đồng bộ

6.4. Hoàn thiện cơ chế quản lý CSVC theo hướng phân cấp, trách nhiệm gắn với quyền hạn

Kế hoạch hành động chiến lược:

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
6.1. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Học viện						
	Xây dựng quy hoạch tổng thể về cảnh quan môi trường làm việc của Học viện	- Đến năm 2025 Bản quy hoạch 1/500 của toàn Học viện được Sở Quy hoạch kiến trúc Hà Nội cấp - Năm 2021 Bản quy hoạch tổng thể về cảnh quan môi trường làm việc của Học viện được Học viện thông qua để triển khai thực hiện.	HĐT, BGD, P.QTTB	P.KHTC,	2020-2025	Ngân sách thường xuyên
	Xây dựng, ban hành và	- Năm 2022 -- 2025 ban hành và tổ chức thực	HĐT,	Các đơn vị	2020-2030	

	tổ chức thực hiện bộ tiêu chí đánh giá môi trường làm việc của Học viện	hiện bộ tiêu chí đánh giá môi trường là việc của Học viện theo các chỉ số: An toàn, Xanh – Sạch – Đẹp và Phù hợp với hoạt động giáo dục của Học viện	BGD, P.QTTB	trong Học viện		
6.2. Xây dựng các Đề án về cải tạo công trình xây dựng cơ bản và hoàn thành Dự án Xây dựng “Nhà giảng đường sinh viên” Khu S và đưa vào sử dụng						
	Thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng và lắp đặt trang thiết bị để hoàn thành Dự án Xây dựng “Nhà giảng đường sinh viên”	- Đến 2025 hoàn thành và đưa vào sử dụng “Nhà giảng đường sinh viên” 9 tầng với diện tích khoảng 10.000m ² của Học viện tại địa chỉ số 62 Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	HĐT, BGD, P.QTTB	P.KHTC,	2020-2025	Ngân sách đầu tư và các nguồn khác
	Xây dựng các Đề án về cải tạo công trình xây dựng cơ bản	2021-2022: 2 đề án sẽ được phê duyệt và đến năm 2025 sẽ được cấp kinh phí và thực hiện: + Cải tạo nâng cấp KTX học viên Lào + Cải tạo sửa chữa nhà ăn thành nhà thể thao đa năng cho sinh viên	HĐT, BGD, P.QTTB	P.KHTC,		Ngân sách đầu tư và các nguồn khác
	Đầu tư thiết bị giảng dạy, học tập làm việc, thiết bị sinh hoạt, phương tiện học tập theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và đồng bộ					
	Đầu tư thiết bị giảng dạy, học tập theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và đồng bộ	- Đến 2025 Trang bị được mới 2 phòng máy vi tính với khoảng 80 máy tính phục vụ đào tạo, bồi dưỡng - Trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu đa năng cho 100% phòng học				
6.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý CSVC theo hướng phân cấp, trách nhiệm gắn với quyền hạn						
	Xây dựng hệ thống các văn bản quy định về cơ chế quản lý CSVC theo hướng phân cấp, trách nhiệm gắn với quyền hạn	- Năm 2021 Điều chỉnh và ban hành Văn bản quy định về quy trình sử dụng phòng học, phòng họp, hội trường. - Năm 2022-2023: Hoàn thiện qui trình và các qui định về sửa chữa, thay thế, mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ	HĐT, BGD, P.QTTB	Các phòng ban liên quan	2020-2025	Ngân sách thường xuyên

		- Năm 2023 – 2025: Xây dựng quy chế phân cấp trách nhiệm quản lý tài sản cấp phòng, khoa và tương đương				
	- Xây dựng Đề án sử dụng tài sản công của Học viện để khai thác tối đa hiệu quả hệ thống CSVC của Học viện	Năm 2020 – 2021 Đề án sử dụng tài sản công của Học viện được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện để điều chuyển, sắp xếp, sử dụng tài sản hợp lý đáp ứng nhu cầu CSVC của Học viện và cho thuê để tăng nguồn thu cho Học viện.	HĐT, BGĐ, P.QTTB	Các phòng ban liên quan		

7. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin

Mục tiêu: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng và NCKH; Coi hệ thống CNTT là đòn bẩy quan trọng giúp nâng cao năng suất và chất lượng của mọi hoạt động, tăng cường vị thế, nâng cao uy tín của Học viện và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để phù hợp với chủ trương của ngành giáo dục và hội nhập quốc tế. Xây dựng Học viện trở thành đơn vị có quy trình quản lý được tin học hóa, các hoạt động học tập và nghiên cứu được hỗ trợ tối đa qua các hệ thống CNTT.

Nhiệm vụ và giải pháp

7.1. Nâng cấp hạ tầng CNTT của Học viện.

7.2. Tăng cường ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực hoạt động của Học viện

7.3. Xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến e-learning, kết hợp học trên lớp và học online (blended learning).

7.4. Nâng cấp Trung tâm CNTT-TV để tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ ứng dụng CNTT và phát triển phần mềm theo đơn đặt hàng, cung cấp các sản phẩm ứng dụng, giải pháp công nghệ về CNTT trong giáo dục.

7.5. Nghiên cứu, phát triển và áp dụng các giải pháp công nghệ, các sản phẩm ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu trong ngành giáo dục để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để phù hợp với chủ trương của ngành giáo dục và hội nhập quốc tế.

STT	Nội dung hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
7.1. Nâng cấp hạ tầng CNTT của Học viện						
	Đầu tư nâng cấp Hạ tầng kỹ thuật CNTT: máy chủ, máy trạm, thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn, thiết bị ngoại vi và thiết bị phụ trợ, mạng nội bộ, mạng diện rộng.	- Đến năm 2021 hệ thống máy chủ, máy trạm, thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh an toàn hạ tầng CNTT được nâng cấp.	HĐHV, BGĐ, TT.CNTT-TV	Các đơn vị trong HV	2020-2025	Các dự án và Ngân sách thường xuyên
	Đầu tư nâng cấp phòng IT Lab	- Đến năm 2021 có 2-4 phòng IT Lab và thực hành được trang bị.	HĐHV, BGĐ, TT.CNTT-TV	Các đơn vị trong HV	2020-2025	Các dự án và Ngân sách thường xuyên
7.2. Tăng cường ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực hoạt động của Học viện						
	Xây dựng, tổ chức thực hiện các quy định về ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính và các hoạt động tại Học viện	-Đến năm 2022 xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy định về ứng dụng CNTT trong công tác cải cách hành chính và các hoạt động tại Học viện. -Tổ chức được 1-2 lớp/đợt tập huấn, quán triệt việc triển khai các quy định của Học viện về ứng dụng CNTT trong các hoạt động của Học viện (Từ 2022 100% cán bộ, viên chức của Học viện được tập huấn, quán triệt quy định về ứng dụng	HĐHV, BGĐ, TT.CNTT-TV, VPHV	Các đơn vị trong HV	2021-2025	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

		CNTT)				
	Xây dựng các đề án ứng dụng CNTT và đầu tư, xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện một số phần mềm hiện có và các phần mềm mới: quản lý hành chính, đào tạo, bồi dưỡng, phần mềm hỗ trợ học tập, khảo thí, tài chính, tài sản.	- Đến năm 2024 đề án ứng dụng CNTT được xây dựng và được thông qua để thực hiện. - Đến năm 2023 các phần mềm: quản lý đào tạo, phần mềm... được nâng cấp. - Đến năm 2024 phần mềm hỗ trợ học tập, khảo thí, quản lý tài chính, tài sản được xây dựng triển khai mới/nâng cấp. - Đến năm 2025 Cổng thông tin điện tử và Hệ thống Quản lý hành chính điện tử của Học viện được nâng cấp	HĐHV, BGĐ, TT.CNTT-TV, VPHV	Các đơn vị trong HV	2021-2025	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
7.3. Xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến e-Learning						
	Xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến E-Learning	- Đến năm 2025 hệ thống đào tạo trực tuyến e-learning được triển khai - Đến năm 2026 đảm bảo 100% CBGV được tập huấn về sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến e-learning.	HĐHV, BGĐ, TT.CNTT-TV	Các khoa và các Trung tâm	2025-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
7.4. Nâng cấp Trung tâm CNTT-TV để tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ ứng dụng CNTT và phát triển phần mềm theo đơn đặt hàng, cung cấp các sản phẩm ứng dụng, giải pháp công nghệ về CNTT trong giáo dục						
	Xây dựng Đề án nâng cấp Trung tâm CNTT-TV để tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ ứng dụng CNTT và phát triển phần mềm theo đơn đặt hàng, cung cấp các sản phẩm	- Năm 2025 xây dựng Đề án - Năm nào 2026 triển khai Đề án - Đến năm 2027 Trung tâm CNTT-TV có khả năng phát triển được phần mềm theo đơn đặt hàng, cung cấp sản phẩm ứng dụng, giải pháp	HĐHV, BGĐ, TT.CNTT-TV	Các khoa và các Trung tâm	2025-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn

	ứng dụng, giải pháp công nghệ về CNTT trong giáo dục	công nghệ về CNTT trong giáo dục				khác
7.5. Nghiên cứu, phát triển và áp dụng các giải pháp công nghệ, các sản phẩm ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu trong ngành giáo dục để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để phù hợp với chủ trương của ngành giáo dục và hội nhập quốc tế						
	Triển khai các hoạt động Nghiên cứu, phát triển và áp dụng các giải pháp công nghệ, các sản phẩm ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu trong ngành giáo dục để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để phù hợp với chủ trương của ngành giáo dục và hội nhập quốc tế.	- Có 2-3 đề tài nghiên cứu về các giải pháp công nghệ, các sản phẩm ứng dụng CNTT đáp ứng nhu cầu trong ngành giáo dục để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số để phù hợp với chủ trương của ngành giáo dục và hội nhập quốc tế được thực hiện.	HĐHV, BGĐ, TT.CNTT-TV	Các khoa và các Trung tâm	2025-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

8. Đánh giá và kiểm định chất lượng Học viện

Mục tiêu:

Đảm bảo chất lượng giáo dục là mối quan tâm hàng đầu của Học viện. Mục tiêu chất lượng là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của Học viện. Học viện thực hiện hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài theo các chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành áp dụng cho các cơ sở đào tạo đại học. Tiến tới thực hiện kiểm định chất lượng Học viện theo tiêu chuẩn mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN – QA) Khi nào thực hiện trong Bảng kế hoạch hành động. 100% các chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ được kiểm định chất lượng. Thường xuyên cải thiện chất lượng và xây dựng văn hoá chất lượng trong Học viện

Nhiệm vụ và giải pháp:

8.1. Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng của Học viện

8.2. Tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo

8.3. Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đến hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Học viện

8.4. Đổi mới và hiện đại hóa hoạt động đánh giá quá trình học tập của người học.

8.5. Thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục để triển khai đánh giá, kiểm định các cơ sở giáo dục đặc biệt là các cơ sở giáo dục phổ thông.

Kế hoạch hành động chiến lược:

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
8.1. Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng của Học viện						
	Xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Học viện	- 2020- 2030: Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong: Chính sách chất lượng; Cấu trúc tổ chức và nhân sự; Văn hóa đảm bảo chất lượng; Thể chế và Quy định; Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng; Hội nghị chất lượng học viện hàng năm; Giải thưởng chất lượng và Công bố thông tin đảm bảo chất lượng - 2020 -2022: Thiết lập cấu trúc tổ chức và nhân sự và Ban hành Quy chế quy định về chất lượng; Thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng và Công bố thông tin đảm bảo chất lượng; Văn hóa đảm bảo chất lượng - 2022 -2030: Hội nghị chất lượng và Giải thưởng chất lượng hàng năm	HĐT, BGĐ, P. ĐBCLGD P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
	Tăng cường phát triển đội ngũ chuyên gia về đánh giá và kiểm định chất lượng	- Năm 2030: có 10 cán bộ, giảng viên có chứng chỉ về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, giáo dục đại học - Năm 2020 -2022: Cử 03 cán bộ giảng viên đi học lớp Kiểm định viên chất lượng cơ sở giáo dục đại học. - Định kỳ hàng năm tổ chức ít nhất 01 hội thảo khoa học về Đánh giá và Kiểm định chất lượng giáo dục.	BGĐ, P.ĐBCLGD	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

		- Tổ chức các khóa tập huấn về Đánh giá và Kiểm định chất lượng giáo dục				
8.2. Tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo						
	Định kỳ tiến hành Tự đánh giá chất lượng Học viện và Tự đánh giá chương trình đào tạo	- 2020. Báo cáo Tự đánh giá 02 chương trình đào tạo (01 chương trình đào tạo trình độ ĐH ngành Tâm lý học giáo dục và 01 chương trình đào tạo trình độ ThS ngành Quản lý giáo dục - 2020. Báo cáo Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học. Báo cáo giữa kỳ kiểm định cơ sở giáo dục đại học - Định kỳ xây dựng Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo theo quy định	BGD, P.ĐBCLGD	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Kiểm định chương trình đào tạo.	- 2021. Kiểm định chất lượng 02 chương trình đào tạo (01 chương trình đào tạo trình độ ĐH ngành Tâm lý học giáo dục và 01 chương trình đào tạo trình độ ThS. ngành Quản lý giáo dục - 2021 - 2025: Báo cáo Tự đánh giá các chương trình đào tạo đại học và sau đại học theo quy định. - Phần đầu từ năm 2025 trở đi tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ được kiểm định định kỳ và theo quy định - Từ năm 2029 Kiểm định các chương trình đào tạo trình độ đại học theo tiêu chuẩn AUN	BGD, P.ĐBCLGD	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học đối với Học viện.	- 2020 Báo cáo giữa kỳ đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học - 2022: Đăng ký đánh giá ngoài và Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học - 2023: Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Học viện - Từ năm 2025 trở đi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo định kỳ và theo quy định	BGD, P.ĐBCLGD	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
8.3. Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan đến hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Học viện						
	Lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về hoạt động đào tạo và các hoạt động khác của Học viện.	- Định kỳ mỗi học kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động đào tạo của Học viện - 2020. Xây dựng phần mềm khảo sát lấy ý kiến của người học về hoạt động đào tạo của Học viện - Từ năm 2021 -2030. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động đào tạo và các lĩnh vực hoạt động khác của Học viện	BGD, P.ĐBCLGD	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
8.4. Đổi mới và hiện đại hóa hoạt động đánh giá quá trình học tập của người học						
	Đổi mới và hiện đại hóa hoạt động đánh giá quá trình học tập của người học đảm bảo chính xác, khách quan phù hợp với chuẩn đầu ra.	- 2020 - 2021: Rà soát bổ sung ngân hàng đề thi học phần hệ đại học - 2021- 2022 có ngân hàng đề thi học phần hệ đại học. - 2022: Tổ chức thi một số học phần trên máy và thi bằng hình thức trắc nghiệm khách quan. - Định kỳ hàng năm rà soát bổ sung ngân hàng đề thi học phần - Từ năm học 2020-2021: Tổ chức linh hoạt các kỳ thi kết thúc học phần đối với sinh viên chính quy phù hợp với đào tạo tín chỉ.	BGD, P.ĐBCLGD	Các khoa	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

	Xây dựng và thực hiện quy định về đánh giá quá trình học tập của người học.	- Năm 2021, Văn bản nội bộ của HV quy định về đánh giá quá trình học tập đối với người học của Học viện được ban hành và tổ chức thực hiện.	BGD, P.ĐBCLGD	Các khoa	2020-2030	NS thường xuyên
8.5. Thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục để triển khai đánh giá, kiểm định các cơ sở giáo dục						
	Xây dựng lộ trình đến năm 2025 được cấp phép thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục tại Học viện	- 2023: Xây dựng đề án trình Bộ GDĐT tạo cho phép thành lập Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Từ 2026 – 2030 Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức đánh giá, kiểm định các cơ sở giáo dục đặc biệt là các cơ sở giáo dục phổ thông.	HĐT, BGD, PHÒNG ĐBCLGD, P.TCCB	Các đơn vị trong HV	2022 -2030	Ngân sách thường xuyên

9. Chiến lược phát triển công tác sinh viên

Mục tiêu: Học viên, sinh viên phải được phát triển toàn diện về kiến thức và kỹ năng, năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề theo ngành/chuyên ngành được đào tạo; có thể lực tốt, bản lĩnh, trung thực và ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc; SV tốt nghiệp có khả năng thích ứng tốt với thị trường việc làm.

Nhiệm vụ và giải pháp

9.1. Đổi mới công tác quản lý, giáo dục tư tưởng – chính trị, đạo đức cho sinh viên

9.2. Đổi mới tổ chức hoạt động của SV theo hướng tạo điều kiện để SV chủ động tham gia các hoạt động tự nguyện, CLB, phát triển kỹ năng mềm

9.3. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường

9.4. Tiến hành thường xuyên hơn các chương trình hỗ trợ và bồi dưỡng cho người học thuộc nhóm thiệt thòi, người dân tộc thiểu số và người nước ngoài

9.5. Thành lập ban liên lạc cựu sinh viên các Khoa, cựu sinh viên Học viện

Kế hoạch hành động chiến lược:

STT	Chiến lược/ hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
9.1. Đổi mới công tác quản lý, giáo dục tư tưởng – chính trị, đạo đức cho sinh viên						
	Xây dựng và thực hiện	- Hằng năm có Kế hoạch thực hiện về công tác	BGD;	Các đơn vị	2020 -	Ngân sách

các kế hoạch về công tác giáo dục tư tưởng - chính trị, đạo đức cho SV.	giáo dục tư tưởng - chính trị đạo đức cho sinh viên nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chính trị, hình thành nhân cách, lối sống tốt đẹp cho sinh viên được xây dựng và thực hiện, gồm: Kế hoạch tổ chức tuần định hướng sinh hoạt chính trị sinh viên đầu khóa; Kế hoạch tổ chức chương trình văn hóa, văn nghệ kỷ niệm nhân các sự kiện và ngày lễ lớn trong năm của học sinh (Chương trình khai giảng; ngày 20 - 11; ngày sinh nhật Bác, ngày truyền thống HSSV...); Kế hoạch tổ chức chương trình giáo dục phổ biến pháp luật - 100% sinh viên đầu khóa được tham gia sinh hoạt tuần định hướng sinh viên - Hằng năm có trên 70% sinh viên được khảo sát và đánh giá hài lòng về công tác giáo dục của Học viện đã triển khai thực hiện	Phòng GDCT&CTSV	trong HV	2030	thường xuyên
Phát hành sổ tay sinh viên	Năm 2021 Sổ tay sinh viên được phát hành cho 100% sinh viên để giúp sinh viên thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ, công việc của mình	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	2021 - 2030	Ngân sách thường xuyên
Thành lập Tổ chức Thanh niên xung kích,	- Năm 2021 Tổ chức Thanh niên xung kích được thành lập và triển khai các hoạt động. - Tổ Thanh niên xung kích có kế hoạch và báo cáo kết quả thực thi theo hàng năm.	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	20..... - 2030	Ngân sách thường xuyên
Thành lập Tổ công tác Thông tin - tuyên truyền về công tác sinh viên	- Năm 2021 Tổ công tác Thông tin – truyền thông trong sinh viên được thành lập và triển khai các hoạt động. - Trang truyền thông: https://www.facebook.com/CTSVHVQ/ với 3000 lượt SV theo dõi - Hằng năm Vận hành tốt kênh truyền thông	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	2..... - 2030	Ngân sách thường xuyên

		fangape của Phòng GDCT&CTSV; Đăng tải hình ảnh, bài viết về hoạt động của Học viện				
	Duy trì hoạt động hòm thư góp ý sinh viên	- Năm 2021 ban hành văn bản Quy định về hòm thư góp ý, việc giải quyết những góp ý của SV tại Phòng GDCT&CTSV và KTX Học viện	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	2.....-2030	Ngân sách thường xuyên
	Kiểm tra định kỳ công tác nội trú, ngoại trú	- Công tác nội trú, ngoại trú được kiểm tra định kỳ ít nhất 2 Lần/1 năm nhằm nắm bắt kịp thời các thông tin cần thiết về sinh viên nội trú, ngoại trú.	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
9.2 Đổi mới tổ chức hoạt động của SV theo hướng tạo điều kiện để SV chủ động tham gia các hoạt động tự nguyện, CLB, phát triển kỹ năng mềm						
	Thành lập CBL, đội nhóm trong SV để SV chủ động tham gia các hoạt động tự nguyện, CLB, phát triển kỹ năng mềm	- Duy trì, phát triển các CBL sinh viên hiện nay. - Đến năm 2025 Có 10 CLB sinh viên được thành lập và tổ chức hoạt động có hiệu quả. - Hướng dẫn SV hoạt động	BGD; Đoàn TN Học viện	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
	Tổ chức các hoạt động để tạo điều kiện cho SV tham gia.	Hàng năm có Kế hoạch tổ chức các chương trình, hoạt động cho sinh viên đảm bảo ít nhất 1 tháng có 1 sự kiện hoạt động hoạt động tập thể đối với sinh viên như: Chương trình 26/3; Chương trình sinh viên tình nguyện; Chương trình tìm kiếm tài năng sinh viên; Chương trình văn hóa, văn nghệ...	BGD; Đoàn TN Học viện	Các đơn vị trong HV	2020-2021	Ngân sách thường xuyên
9.3. Hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường						
	Khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp	- Hàng năm có kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. - Xây dựng được dữ liệu việc làm của sinh viên sau	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên

		ra trường.				
	Tổ chức chương trình hướng nghiệp, tư vấn việc làm	- Hàng năm tổ chức được ít nhất 1 Chương trình ngày hội việc làm. Tọa đàm, tập huấn về khởi nghiệp trong SV. - Mỗi năm tổ chức được ít nhất 01 chức lớp kỹ năng mềm cho sinh viên nâng cao năng lực nghề nghiệp	BGD; Phòng GDCT&CTSV; Đoàn TN Học viện	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
9.4. Tiến hành thường xuyên hơn các chương trình hỗ trợ và bồi dưỡng cho người học thuộc nhóm thiệt thòi, người dân tộc thiểu số và người nước ngoài						
	Thành lập quỹ học bổng dành cho SV	- Năm 2021 Quỹ học bổng được thành lập và thực hiện, đến năm 2025 Quỹ có khoảng 100 triệu VNĐ để hoạt động. - Hàng năm tổ chức ít nhất 01 Hoạt động để duy trì và phát triển nguồn tài chính của Quỹ.	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	2.....-2030	Ngân sách thường xuyên
	Tổ chức các hoạt động xét, trao học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên định kỳ hàng năm	- Hàng năm có ??? Sinh viên được cấp Học bổng từ Quỹ học bổng dành cho sinh viên	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên
9.5. Thành lập ban liên lạc cựu sinh viên các Khoa, Học viện						
	Thành lập mạng lưới cựu SV Học viện	- Năm 2021 Ban liên lạc cựu sinh viên được thành lập và đi vào hoạt động. - Xây dựng được dữ liệu việc làm của sinh viên sau ra trường	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	20?????-2021	Ngân sách thường xuyên

	Tổ chức chương trình của hội cựu sinh viên	- 1 Năm hoặc 2, 3 năm 1 lần tổ chức 1 Chương trình gặp mặt hội cựu sinh viên tại ngày lễ, kỷ niệm của Học viện (Ngày nhà giáo Việt Nam 20.11; Ngày truyền thống Học viện; Ngày truyền thống HSSV) - Hàng năm có chương trình/hoạt động phối hợp với cựu sinh viên trong quảng bá hình ảnh của Học viện và tìm kiếm việc làm cho SV	BGD; Phòng GDCT&CTSV	Các đơn vị trong HV	20????-2021	Ngân sách thường xuyên
--	--	---	-------------------------	---------------------	-------------	------------------------

10. Xây dựng môi trường học tập của Học viện

Mục tiêu:

- Xây dựng bầu không khí dân chủ, đoàn kết, tôn trọng, chia sẻ, hiểu biết lẫn nhau và vun đắp các giá trị truyền thống, giá trị cốt lõi hướng tới sự phát triển của mỗi cá nhân, tập thể đơn vị Học viện. Mỗi cán bộ quản lý, giảng viên, học viên, sinh viên của Học viện phấn đấu là tấm gương về tự học tập và sáng tạo.

- Xây dựng nền nếp kỷ cương trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo quy trình quản lý chất lượng, tôn trọng đáp ứng nhu cầu của người học.

Nhiệm vụ và giải pháp:

* Nhiệm vụ

10.1. Xây dựng và thực hiện quy chế văn hóa công sở; bảo đảm tính công khai, minh bạch và dân chủ trong các hoạt động;

10.2. Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy định về thi đua, khen thưởng, khuyến khích động viên của Học viện;

10.3. Xây dựng hệ sinh thái về môi trường tự học, tự nghiên cứu của Học viện

10.4. Duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác của Học viện

10.5. Đảm bảo an ninh, an toàn môi trường học tập

** Kế hoạch hành động chiến lược:*

STT	Nội dung hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
10.1. Xây dựng và thực hiện quy chế văn hóa công sở						
	Xây dựng và thực hiện quy chế văn hóa công sở	- Năm 2021 ban hành Quy chế văn hóa công sở của Học viện để triển khai thực hiện. - Kết quả thực hiện Quy chế văn hóa công sở được thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của Học viện (các đơn vị thuộc Học viện). - Định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần Công đoàn Học viện tổ chức hội thảo/tọa đàm về việc thực hiện Quy chế văn hóa công sở...	HĐT, BGĐ VP HV, Công đoàn HV	VPHV, Công đoàn HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
10.2. Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy định về thi đua, khen thưởng, khuyến khích động viên của Học viện						
	Xây dựng và hoàn thiện các chính sách, quy định về thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, viên chức và người lao động của Học viện	- Quy chế thi đua, khen thưởng, khuyến khích động viên cán bộ, viên chức và người lao động của Học viện được định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung ít nhất 2 năm/1 lần - Kết quả thi đua, khen thưởng, khuyến khích động viên cán bộ, viên chức và người lao động của Học viện được đánh giá tổng kết hàng năm.	HĐT, BGĐ Phòng TCCB	Các đơn vị trong Học viện	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

	Xây dựng và hoàn thiện quy chế thi đua, khen thưởng, khuyến khích hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển đối với người học của Học viện	- Quy chế thi đua, khen thưởng, khuyến khích hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển đối với người học của Học viện được định kỳ rà soát, sửa đổi, bổ sung ít nhất 2 năm/1 lần - Kết quả thi đua, khen thưởng, khuyến khích hỗ trợ, đáp ứng nhu cầu học tập và phát triển đối với người học của Học viện được đánh giá hiệu quả hàng năm.	HĐT, BGĐ GDCT&CTSV	Các đơn vị trong Học viện	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
10.3. Xây dựng hệ sinh thái về môi trường tự học, tự nghiên cứu của Học viện						
	Xây dựng thư viện điện tử/thư viện số, kết nối, tạo điều kiện phát triển môi trường học tập tích cực	- Năm 2025 cơ bản Thư viện số, kết nối với nhiều nguồn học liệu, các trường đại học, viện nghiên cứu, tạp chí khoa học của Học viện được thực hiện đảm bảo nhu cầu tra cứu tài liệu của GV,SV, học viên, NCS của Học viện	HĐT, BGĐ TTCNTT&TV	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
	Đầu tư nâng cấp Phòng đọc của Thư viện đáp ứng nhu cầu đọc của CB,GV, người học	- Sau năm 2025, Phòng đọc của Thư viện được đầu tư, nâng cấp hiện đại tạo môi trường và động lực cho người học, nhất là SV đến tự học, tự nghiên cứu.	HĐT, BGĐ TTCNTT&TV	Các đơn vị trong HV	2025-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
10.4. Duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác của Học viện						
	Xây dựng mối quan hệ với cộng đồng dân cư nơi Học viện đóng.	- Thực hiện cơ chế phối hợp giữa Học viện với các cơ quan thuộc Thành phố Hà Nội nhất là Quận Thanh Xuân, Phường Phương Liệt, Công an PA03 Hà Nội	HĐT, BGĐ. VPHV	Các đơn vị thuộc Học viện	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

p

	Xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp... trong nước và nước ngoài	- Mỗi năm xây dựng được ít nhất 3-5 sự quan hệ hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài	HĐT, BGĐ	Các đơn vị thuộc Học viện	2020-2030	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác
10.5. Đảm bảo an ninh, an toàn môi trường học tập						
	Xây dựng quy định an ninh, an toàn môi trường học tập	- Năm 2021 ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về an ninh, an toàn trường học của Học viện (giảng đường, nơi làm việc, ký túc xá,...)	HĐT, BGĐ VPHV, Phòng Quản trị thiết bị	Các đơn vị trong Học viện	2020-2021	Ngân sách thường xuyên và các nguồn khác

11. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

Phương án 1:

11.1. Mục tiêu: Đổi mới phương thức quản lý để tăng cường phát triển, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính theo hướng tự chủ tài chính. Đa dạng hóa nguồn thu để tích lũy xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật; Phát triển công tác Đào tạo bồi dưỡng nghiên cứu khoa học và nâng cao đời sống cho cán bộ viên chức, giảng viên và người lao động.

11.2. Nhiệm vụ và giải pháp

11.2.1. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn nhân lực theo đề án vị trí việc làm và qui định về cơ cấu tiền lương

11.2.2. Đổi mới cơ chế chính sách cụ thể hóa công tác quản lý tài chính bằng văn bản

11.2.3. Mở rộng liên kết hợp tác trong đào tạo bồi dưỡng, tăng cường hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học

11.2.4. Đẩy mạnh công tác đa dạng hóa nguồn thu

11.2.5. Xây dựng lộ trình tự chủ tài chính của Học viện và các đơn vị trực thuộc Học viện.

11.3. Kế hoạch hành động chiến lược

STT	Nội dung hành động	Sản phẩm/kết quả đạt được	Trách nhiệm		Thời gian thực hiện	Nguồn lực tài chính thực hiện
			Chỉ đạo và đầu mối	Phối hợp		
11.2.1	Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn nhân lực theo đề án vị trí việc làm và qui định về cơ cấu tiền lương					
	Xây dựng khung mức lương, thu	- Quy định ban hành mức lương cho	HĐT,	Các đơn vị	2022-2025	Nguồn

	nhập theo đề án vị trí việc làm	từng vị trí việc làm	BGD, P.KHTC	trong HV		NSNN và nguồn thu hợp pháp
	Xây dựng quy định phân bổ thu nhập tăng thêm hợp lý với từng vị trí việc làm thông qua nguồn kinh phí tự chủ	- Các văn bản qui định về việc phân bổ thu nhập tăng thêm được hoàn thiện	HĐT, BGD, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2021-2023	Nguồn thu hợp pháp
11.2.2	Đổi mới cơ chế chính sách cụ thể hóa công tác quản lý tài chính bằng văn bản					
	Xây dựng cơ chế quản lý kinh phí theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm	- Quy chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của Học viện được ban hành dựa theo Quyết định giao tự chủ của Bộ GDĐT tạo	HĐT, BGD, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2025-2030	Nguồn thu hợp pháp
	Xây dựng, điều chỉnh các quy định/quy trình quản lý tài chính đối với các hoạt động dịch vụ, chuyên môn, khoa học và chuyển giao công nghệ, mua sắm tài sản	- Các quy định/quy trình quản lý tài chính, mua sắm được hoàn thiện và ban hành - Đề án sử dụng tài sản công vào việc cho thuê được ban hành.	HĐT, BGD, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2020-2025	Nguồn thu từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp
11.2.3	Mở rộng liên kết hợp tác trong đào tạo bồi dưỡng, tăng cường hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học					
	Mở rộng loại hình và quy mô đào tạo, bồi dưỡng;	- Các chương trình đào tạo Đại học và Sau đại học chất lượng cao tiên tiến được xây dựng - Các ngành đào tạo/ chương trình bồi dưỡng mới được phê duyệt và tuyển sinh	HĐT, BGD, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2022 - 2025	Nguồn thu từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp
	Tăng cường hợp tác quốc tế để từng bước mở rộng các loại hình đào tạo góp phần tăng nguồn thu cho Học viện	- Các chương trình liên kết với các nước trong khu vực và thế giới được ký kết và tuyển sinh. - Các chương trình trao đổi về học thuật, hội thảo quốc tế được tổ chức định kỳ hàng năm.	HĐT, BGD, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2022 - 2025	Nguồn thu từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp

p

		- Các chương trình trao đổi tham quan học tập giảng viên, sinh viên/học viên được ký kết.				
11.2.4	Đẩy mạnh công tác đa dạng hóa nguồn thu					
	Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng	- Các lớp bồi dưỡng, đào tạo đa dạng về mô hình, nội dung, liên kết với nhiều đơn vị, tổ chức khác được tổ chức.	HĐT, BGĐ, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2020-2025	Nguồn thu từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp
	Được tham gia các nhiệm vụ của Bộ giao theo chức năng nhiệm vụ của Học viện	- Tham gia vào các dự án của Nhà nước và Bộ - Chủ trì và tham gia vào các Đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ - Tham gia các dự án Vốn viện trợ của Các Tổ chức quốc tế	HĐT, BGĐ, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Nguồn thu từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp
	Mỗi một đơn vị trong Học viện đều chủ động trong việc khai thác và tăng nguồn thu nhằm mang lại lợi ích cho Học viện trên nhiều mặt	- Các lớp bồi dưỡng, đào tạo, hoạt động dịch vụ được thực hiện tại các đơn vị có khả năng khai thác và tổ chức, tối đa hóa chức năng của mỗi đơn vị.	HĐT, BGĐ, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Nguồn thu hợp pháp
11.2.5	Xây dựng lộ trình tự chủ tài chính của Học viện và các đơn vị trực thuộc Học viện					
	Xây dựng lộ trình tự chủ về tài chính đối với Học viện và các đơn vị trực thuộc của Học viện.	- Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế thu chi nội bộ của các đơn vị trực thuộc được điều chỉnh và ban hành - Đến 2025, Học viện tự chủ 75% về tài chính - Đến 2030, Học viện tự chủ 100% về tài chính	HĐT, BGĐ, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2022-2030	Nguồn thu từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp
	Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài	- Kế hoạch tài chính hàng năm	HĐT,	Các đơn vị	2020-2030	Nguồn thu

	chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của Học viện	được ban hành rộng rãi trong Học viện - Báo cáo công khai kết quả hoạt động tài chính hàng năm theo quy định	BGD, P.KHTC	trong HV		từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp
	Tiết kiệm các khoản chi phí để tập trung tài chính cho các mục tiêu phát triển Học viện	- Các khoản chi phí tiết kiệm được thể hiện bằng văn bản trong Kế hoạch tài chính hàng năm	HĐT, BGD, P.KHTC	Các đơn vị trong HV	2020-2030	Nguồn thu từ Ngân sách và nguồn thu hợp pháp

Phần 6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ

6.1. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá đề án

6.1.1. Chỉ tiêu định tính

- Mức độ uy tín, thương hiệu của Học viện;
- Đánh giá của các cơ quan quản lý, các CSGD, của người học và của xã hội về Học viện;

- Trình độ quản lý và năng lực quản lý của Học viện;

- Năng lực cạnh tranh của Học viện.

6.1.2. Chỉ tiêu định lượng

- + Số lượng học viên là tham gia, hoàn thành các chương trình bồi dưỡng; Số lượng học viên, sinh viên được tuyển sinh vào các ngành học; tốt nghiệp, kết quả học tập theo các loại; sinh viên có việc làm đúng ngành nghề được đào tạo.

- + Số lượng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; các loại giáo trình, tài liệu tham khảo và các học liệu khác.

- + Số lượng các công trình khoa học được công bố trong nước và quốc tế.

- + Số lượng các biên bản ghi nhớ hợp tác quốc tế, số lượng giảng viên, sinh viên được trao đổi, đào tạo tại nước ngoài.

- + Cơ sở vật chất: Số m2 đất, diện tích sàn xây dựng, số phòng học lý thuyết, số phòng học thực hành, số phòng hỗ trợ hoạt động đào tạo....

- + Tài chính: Các nguồn vốn, nguồn thu, mức tiền lương, thưởng. (Thu và chi khác)

- + Nhân lực: Số lượng cán bộ, giảng viên, trình độ cán bộ, giảng viên, cơ cấu độ tuổi, ngành nghề chuyên môn, cấp bậc trình độ, học hàm học vị.

6.2. Tổ chức thực hiện

6.2.1. Thành lập cơ cấu tổ chức

- Thành lập Ban Xây dựng và thực hiện Đề án trực thuộc Ban Giám đốc.

- Thành phần: BGĐ, Trưởng một số đơn vị, một số chuyên gia.

- Cơ cấu: Trưởng Ban, Các phó ban, Các ủy viên và Ban thư ký.

6.2.2. Lập kế hoạch thực hiện

Văn bản có sự tham gia của các cá nhân, tập thể của trường, các cơ quan quản lý, chuyên gia tư vấn xây dựng đề án. Bên cạnh Ban chỉ đạo xây dựng đề án trong quá trình xây dựng văn bản kế hoạch đề án, Học viện tạo mọi điều kiện để các đơn vị và cá nhân tham gia vào việc thảo luận, góp ý kiến cho văn bản kế hoạch đề án qua các hình thức họp, hội nghị lấy ý kiến qua mạng egov...

6.3. Phương án kiểm tra, đánh giá thực hiện đề án

6.3.1. Tổ chức kiểm tra

Trên cơ sở kế hoạch đã được duyệt, kiểm tra quá trình thực hiện, tiến độ, chất lượng và giải quyết các tình huống, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

6.3.2. Tổ chức đánh giá

Định kỳ theo kế hoạch tiến độ thực hiện có tổng kết đánh giá mức độ đạt được những chỉ tiêu đưa ra.